



BÁO CÁO NGÀNH NGÂN HÀNG

Vững nền tảng trưởng, phân hóa mở ra cơ hội

05.2026

The right side of the image shows a close-up of a modern glass skyscraper. The words "The Hallmark" are mounted on the building's facade in large, bold, yellow 3D letters. The building's glass panels reflect the sky and surrounding cityscape.

The
Hallmark

LỢI NHUẬN GIỮ NHỊP TĂNG TRƯỞNG, CƠ HỘI MỞ RA THEO TỪNG NHÓM NGÂN HÀNG

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG KHỞI ĐỘNG TÍCH CỰC

TTín dụng toàn hệ thống tăng sớm ngay từ đầu năm, phản ánh nhu cầu vốn vẫn tích cực từ sản xuất kinh doanh, đầu tư công, hạ tầng và chuỗi giá trị bất động sản. Tuy nhiên, mục tiêu tăng trưởng tín dụng 2026 được điều hành thận trọng hơn, khoảng 15%.

HUY ĐỘNG BẮT NHỊP NHƯNG ÁP LỰC THANH KHOẢN CÒN HIỆN HỮU

Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá cải thiện, giúp giảm bớt áp lực LDR. Dù vậy, tăng trưởng tín dụng cao hơn huy động vẫn khiến cạnh tranh lãi suất và nhu cầu nguồn vốn ổn định duy trì ở mức cao.

LDR GIẢM NHẸ, NGUỒN VỐN ỔN ĐỊNH TRỞ THÀNH YẾU TỐ PHÂN HÓA

LDR toàn hệ thống có xu hướng hạ nhẹ so với năm trước. Các ngân hàng có nền tiền gửi khách hàng bền vững, CASA ổn định và khả năng phát hành giấy tờ có giá chi phí hợp lý sẽ có lợi thế rõ hơn.

LÃI SUẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT, NHƯNG CHI PHÍ VỐN CHƯA HẠ NHỊT

NHNN tiếp tục điều tiết thanh khoản nhằm ổn định mặt bằng lãi suất. Tuy nhiên, áp lực huy động kỳ hạn dài và yêu cầu về an toàn thanh khoản khiến chi phí vốn khó giảm nhanh trong ngắn hạn.

KỲ VỌNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận ngành ngân hàng tiếp tục tăng trưởng nhờ tín dụng và thu nhập lãi thuần.

Huy động vốn, NIM và chất lượng tài sản là các yếu tố phân hóa chính.

Các yêu cầu mới về CDR, LCR, NSFR thúc đẩy quản trị thanh khoản thận trọng hơn.

Ưu thế thuộc về ngân hàng có nguồn vốn ổn định, CASA tốt, bộ đệm dự phòng dày và chi phí tín dụng thấp

Lợi nhuận toàn ngành vẫn khả quan, nhưng cơ hội đầu tư mang tính chọn lọc hơn.

ROA/ROE DUY TRÌ NỀN CAO, NHƯNG KHÓ BỨT PHÁ MẠNH

Quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tiếp tục mở rộng, hỗ trợ tăng trưởng dài hạn. Tuy nhiên, ROA/ROE nhiều khả năng ổn định hơn là tăng mạnh do NIM, chi phí vốn và dự phòng vẫn là các biến số chính.

TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP LÃI THUẦN DUY TRÌ KHẢ QUAN

Thu nhập lãi thuần vẫn là trụ cột chính của lợi nhuận ngành nhờ tín dụng duy trì tích cực. Tuy nhiên, tốc độ tăng có thể chậm lại khi NIM chịu áp lực từ chi phí huy động cao hơn.

NIM CHIU ÁP LỰC. KỲ VỌNG TAO ĐÁY TRONG 2026

NIM toàn ngành đã chịu sức ép trong thời gian dài do chính sách hỗ trợ lãi suất cho nền kinh tế. Trong năm 2026, NIM có thể ổn định hoặc cải thiện nhẹ nhờ tái định giá khoản vay, nhưng khó phục hồi mạnh.

CIR DUY TRÌ ỔN ĐỊNH, HIỆU QUẢ SỐ HÓA TIẾP TỤC HỖ TRỢ

Chi phí hoạt động được kiểm soát tương đối tốt, giúp CIR toàn ngành duy trì ổn định. Dù vậy, dư địa cải thiện mạnh không còn nhiều do các ngân hàng tiếp tục đầu tư cho công nghệ, dữ liệu và quản trị rủi ro.

NỢ XẤU TRONG TẦM KIỂM SOÁT, BỘ ĐỆM DỰ PHÒNG CẦN CÙNG CỐ

Tỷ lệ nợ xấu vẫn quanh vùng kiểm soát, nhưng nợ xấu hình thành mới có thể tăng trở lại do mặt bằng lãi suất cho vay cao hơn. Các ngân hàng có tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao và khẩu vị tín dụng thận trọng sẽ có lợi thế hơn.

CHI PHÍ TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT NHƯNG PHÂN HÓA

A. TỔNG QUAN NGÀNH

1. ĐÀ TĂNG LỢI NHUẬN ĐƯỢC CÙNG CỐ, PHÂN HÓA TẠO CƠ HỘI CHỌN LỌC
2. THU NHẬP LÃI THUẬN GIỮ VAI TRÒ DẪN DẮT, NGUỒN THU NGOÀI LÃI MỞ RỘNG DƯ ĐỊA HỖ TRỢ
3. LỢI NHUẬN NGÂN HÀNG PHÂN HÓA RÕ NÉT, NHÓM ĐẦU NGÀNH TIẾP TỤC GIỮ VAI TRÒ DẪN DẮT
4. CHI PHÍ TÍN DỤNG TRONG TẦM KIỂM SOÁT, NGÂN HÀNG THẬN TRỌNG CHIẾM ƯU THẾ
5. CIR - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG DUY TRÌ ỔN ĐỊNH, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TIẾP TỤC HỖ TRỢ LỢI NHUẬN
6. TÍN DỤNG TĂNG TỐC SỚM, NHƯNG DƯ ĐỊA MỞ RỘNG BẮT ĐẦU PHỤ THUỘC VÀO HUY ĐỘNG
7. HUY ĐỘNG VỐN TĂNG VỀ QUY MÔ NHƯNG ÁP LỰC CẠNH TRANH CHƯA HẠ NHIỆT
8. HUY ĐỘNG BẮT NHỊP TÍN DỤNG, NHƯNG ÁP LỰC THANH KHOẢN VẪN CHƯA HẠ NHIỆT
9. NHNN TIẾP TỤC DUY TRÌ VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT THANH KHOẢN, NHẪM ỔN ĐỊNH HỆ THỐNG HƠN LÀ NỖI LÒNG MẠNH NHƯ GIAI ĐOẠN TRƯỚC.
10. NIM CHỊU ÁP LỰC NHƯNG DƯ ĐỊA PHỤC HỒI BẮT ĐẦU MỞ RA
11. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN CÒN TRONG TẦM KIỂM SOÁT, NHƯNG BỘ ĐỆM DỰ PHÒNG CẦN ĐƯỢC CÙNG CỐ
12. QUY MÔ BẢNG CÂN ĐỐI TIẾP TỤC MỞ RỘNG, HIỆU QUẢ SINH LỜI DUY TRÌ NẸN CAO

B. CÁC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

1. Thương mại cổ phần Nhà Nước: **CTG**
2. Thương mại cổ phần Tư nhân lớn: **TCB, MBB, VPB**
3. Thương mại cổ phần khác: **OCB**

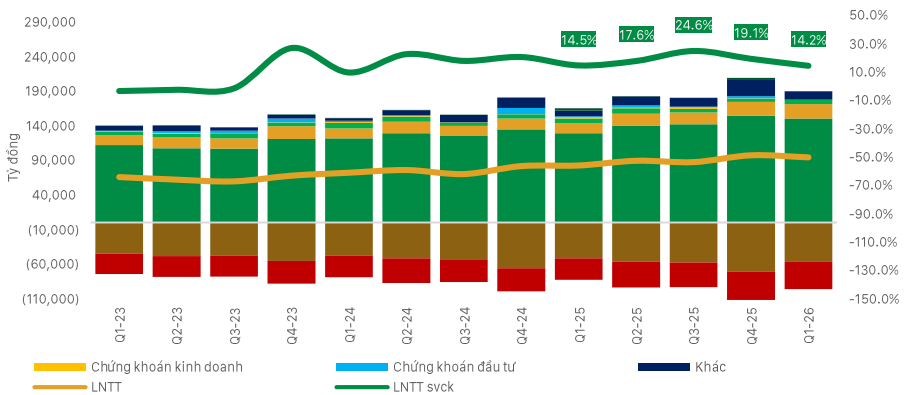
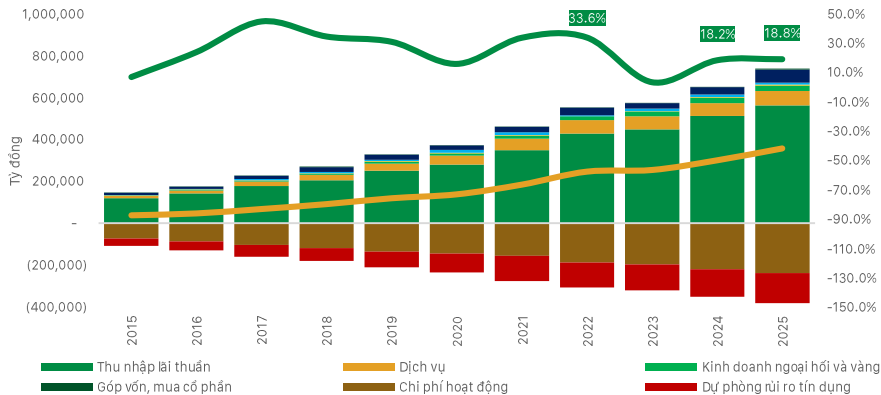


TỔNG QUAN NGÀNH

Lợi nhuận tăng nhưng chất lượng tăng trưởng kém thuận lợi hơn: Bức tranh lợi nhuận ngành ngân hàng Q1/2026 vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, nhưng tốc độ đã có dấu hiệu hạ nhiệt so với các quý cao điểm năm 2025. Động lực chính tiếp tục đến từ thu nhập lãi thuần nhờ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, trong khi thu nhập dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi phục hồi giúp hỗ trợ tổng thu nhập hoạt động. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng lợi nhuận không còn “dễ dàng” như giai đoạn trước khi chi phí vốn tăng nhanh bắt đầu gây áp lực lên NIM, còn chi phí dự phòng và rủi ro nợ xấu có xu hướng quay trở lại sau giai đoạn xử lý mạnh cuối năm. Do đó, dù lợi nhuận toàn ngành vẫn tăng, mức độ phân hóa giữa các ngân hàng ngày càng rõ hơn, ưu thế thuộc về nhóm có nền tiền gửi ổn định, CASA tốt, bộ đệm dự phòng dày và khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả.

- ✓ **Triển vọng tích cực nhưng phân hóa sẽ rõ nét hơn:** trong phần còn lại của năm 2026, lợi nhuận ngành ngân hàng được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng nhưng khó bứt phá mạnh do áp lực từ thanh khoản, chi phí vốn và chất lượng tài sản. Tăng trưởng tín dụng vẫn là trụ cột chính, song tốc độ có thể chậm lại khi NHNN điều hành thận trọng hơn. NIM có khả năng chỉ cải thiện nhẹ hoặc đi ngang do lãi suất cho vay được tái định giá nhưng chi phí huy động vẫn neo cao, trong khi các yêu cầu mới về CDR, LCR và NSFR có thể làm gia tăng nhu cầu huy động vốn ổn định, kéo dài kỳ hạn nguồn vốn và tạo thêm áp lực chi phí. Vì vậy, triển vọng lợi nhuận 2026 nhìn chung vẫn tích cực nhưng sẽ thiên về phân hóa, trong đó các ngân hàng có lợi thế về vốn, thanh khoản, chất lượng tài sản và khả năng tăng trưởng tín dụng chọn lọc sẽ nổi bật hơn mặt bằng chung.
- ✗ **Rủi ro:** Rủi ro chính đối với lợi nhuận ngành ngân hàng năm 2026 đến từ áp lực nguồn vốn và chất lượng tài sản. Tăng trưởng tín dụng cao trong khi huy động phục hồi chậm có thể tiếp tục đẩy cạnh tranh lãi suất lên cao, khiến chi phí vốn tăng nhanh hơn lợi suất tài sản và gây sức ép lên NIM. Bên cạnh đó, các thay đổi quy định liên quan đến CDR, LCR và NSFR nếu áp dụng thiếu lộ trình chuyển tiếp phù hợp có thể làm gia tăng nhu cầu huy động vốn ổn định, kéo dài kỳ hạn nguồn vốn và hạn chế dự địa tăng trưởng tín dụng. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay cao hơn, đặc biệt ở các khoản vay bất động sản và tiêu dùng, có thể khiến nợ xấu hình thành rộng rãi trở lại, kéo theo chi phí dự phòng cao hơn và làm giảm mức độ cải thiện lợi nhuận của toàn ngành.

Lợi nhuận toàn ngành ngân hàng Q1-2026 tăng nhưng chất lượng tăng trưởng kém thuận lợi hơn



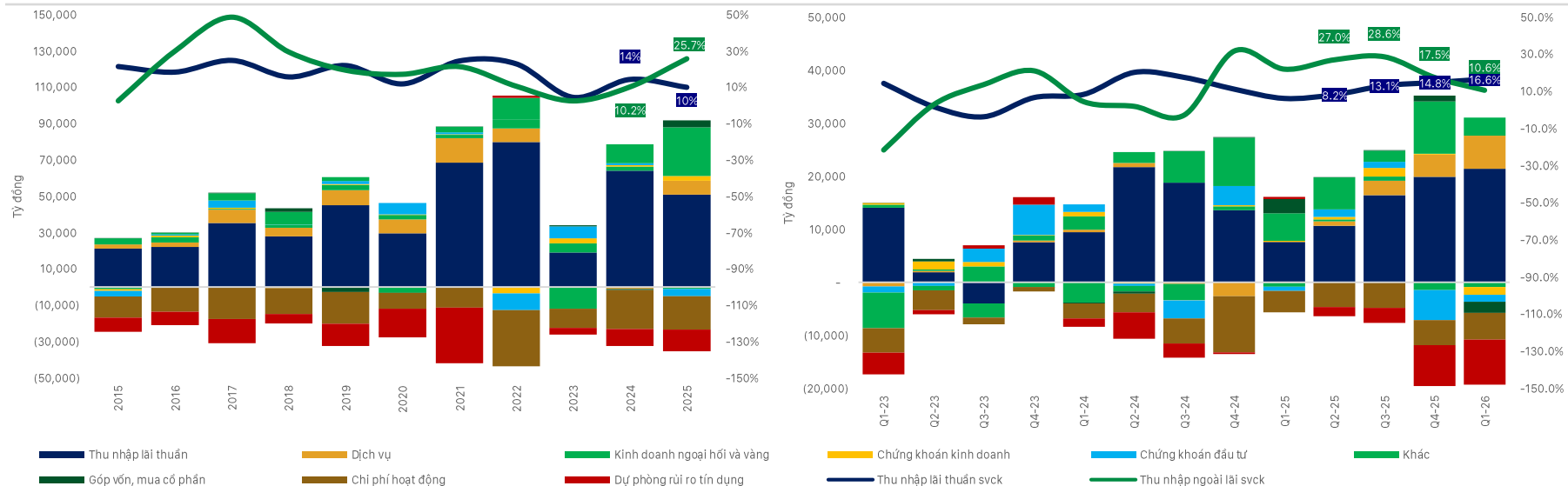
THU NHẬP LÃI THUẦN GIỮ VAI TRÒ DẪN ĐẦU, NGUỒN THU NGOÀI LÃI MỞ RỘNG DƯ ĐỊA HỖ TRỢ



Thu nhập lãi thuần tiếp tục là trụ đỡ chính của lợi nhuận ngân hàng Cơ cấu đóng góp lợi nhuận cho thấy thu nhập lãi thuần vẫn là động lực chủ đạo của ngành ngân hàng, phản ánh vai trò trung tâm của tăng trưởng tín dụng trong bối cảnh nhu cầu vốn duy trì tích cực. Tuy nhiên, mức độ đóng góp của các cấu phần ngoài lãi có sự biến động lớn hơn, đặc biệt ở mảng dịch vụ, kinh doanh ngoại hối, chứng khoán và thu nhập khác, khiến chất lượng tăng trưởng lợi nhuận giữa các quý thiếu đồng đều. Trong khi đó, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tiếp tục là hai yếu tố bào mòn lợi nhuận, cho thấy ngành vẫn đang trong giai đoạn cân bằng giữa mở rộng quy mô tín dụng và kiểm soát rủi ro tài sản.

Nguồn thu ngoài lãi phục hồi nhưng chưa đủ thay thế động lực tín dụng Trong năm 2026, lợi nhuận ngân hàng nhiều khả năng vẫn phụ thuộc lớn vào thu nhập lãi thuần, trong khi thu nhập ngoài lãi được kỳ vọng phục hồi dần nhờ phí dịch vụ, bancassurance và các khoản thu hồi nợ đã xử lý. Tuy vậy, áp lực chi phí vốn cao, NIM khó mở rộng mạnh và rủi ro nợ xấu hình thành mới có thể khiến đóng góp của thu nhập lãi thuần không còn tăng nhanh như giai đoạn trước. Do đó, các ngân hàng có khả năng đa dạng hóa nguồn thu, kiểm soát CIR tốt và duy trì chi phí tín dụng thấp sẽ có lợi thế rõ hơn trong việc bảo vệ tăng trưởng lợi nhuận cả năm.

Cơ cấu đóng góp lợi nhuận từ các cấu phần - Nguồn thu ngoài lãi phục hồi nhưng chưa đủ thay thế động lực tín dụng



Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

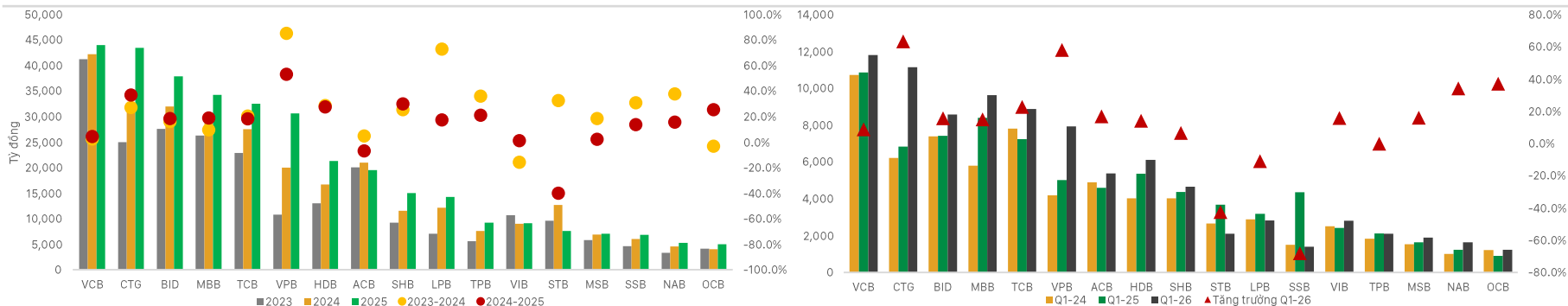
NHTM quốc doanh: Quy mô lợi nhuận lớn, CTG nổi bật về tốc độ tăng trưởng Nhóm NHTM quốc doanh tiếp tục giữ vai trò trụ cột về quy mô lợi nhuận toàn ngành, trong đó **VCB** vẫn duy trì nền lợi nhuận cao nhất nhờ chất lượng tài sản tốt, chi phí tín dụng thấp và bộ đệm dự phòng dày. **CTG** là điểm sáng nổi bật khi tăng trưởng lợi nhuận cải thiện mạnh, phản ánh hiệu quả từ tăng trưởng tín dụng, kiểm soát chi phí dự phòng và nền so sánh thuận lợi. **BID** duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định hơn, nhưng tốc độ chưa quá đột biến do quy mô lớn và áp lực cân bằng giữa tăng trưởng tín dụng, NIM và chất lượng tài sản.

NHTM tư nhân lớn: Phân hóa rõ giữa ngân hàng phòng thủ và ngân hàng tăng trưởng cao Nhóm NHTM tư nhân lớn ghi nhận bức tranh phân hóa rõ nét hơn. **MBB** và **TCB** vẫn cho thấy khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận tốt nhờ quy mô tín dụng lớn, hệ sinh thái khách hàng rộng và hiệu quả hoạt động cao, dù áp lực từ chi phí vốn và tín dụng bất động sản cần được theo dõi. **VPB** có mức tăng trưởng lợi nhuận nổi bật hơn nhờ nền thấp và sự cải thiện từ các mảng kinh doanh cốt lõi, nhưng rủi ro chi phí tín dụng vẫn cao hơn mặt bằng chung. Trong khi đó, **ACB** duy trì đặc tính phòng thủ với chất lượng tài sản tương đối an toàn, song tốc độ tăng trưởng lợi nhuận có phần thận trọng hơn do chiến lược tăng trưởng chọn lọc.

Nhóm NHTM khác: Cơ hội tăng trưởng hiện hữu nhưng độ biến động cao hơn Ở nhóm ngân hàng thương mại còn lại, **HDB** và **SHB** tiếp tục là những cái tên nổi bật nhờ duy trì tăng trưởng lợi nhuận tích cực, hưởng lợi từ mở rộng tín dụng và khả năng khai thác các phân khúc khách hàng riêng. **LPB** cũng ghi nhận sự cải thiện đáng chú ý, phản ánh nền lợi nhuận được nâng lên trong các năm gần đây. Ngược lại, **STB**, **VIB** và **OCB** cho thấy mức độ biến động lớn hơn, chịu ảnh hưởng bởi áp lực NIM, chi phí vốn, tốc độ xử lý tài sản tồn đọng hoặc chi phí dự phòng. Điều này cho thấy nhóm ngân hàng quy mô vừa và nhỏ vẫn còn dư địa tăng trưởng, nhưng chất lượng lợi nhuận và khả năng duy trì đà tăng sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào từng ngân hàng cụ thể.

➤ **Tăng trưởng lợi nhuận tiếp diễn, nhưng cơ hội sẽ mang tính chọn lọc.** tăng trưởng lợi nhuận ngành ngân hàng vẫn duy trì tích cực trong năm 2026, nhưng mức độ phân hóa giữa các ngân hàng ngày càng rõ. Động lực chính vẫn đến từ tăng trưởng tín dụng và thu nhập lãi thuần, trong khi thu nhập ngoài lãi đóng vai trò hỗ trợ thêm. Tuy nhiên, áp lực chi phí vốn, NIM, thanh khoản và chất lượng tài sản sẽ khiến lợi nhuận khó tăng đồng đều trên toàn ngành. Trong bối cảnh đó, triển vọng khả quan hơn sẽ thuộc về các ngân hàng có nền vốn tốt, nguồn vốn huy động ổn định, khả năng kiểm soát chi phí tín dụng hiệu quả và dư địa tăng trưởng tín dụng lành mạnh.

Tăng trưởng lợi nhuận phân hoá giữa các ngân hàng.



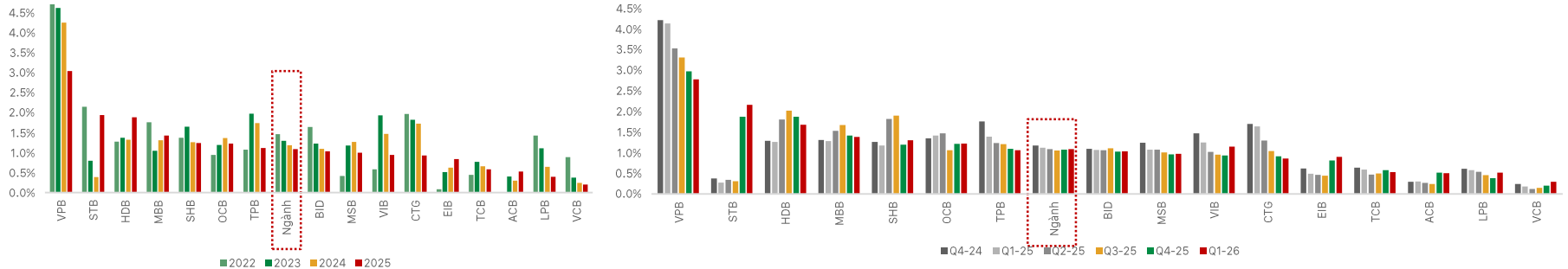
NHTM quốc doanh: Chi phí tín dụng duy trì thấp, bộ đệm dự phòng tiếp tục là lợi thế Nhóm NHTM quốc doanh nhìn chung duy trì chi phí tín dụng ở mức thấp so với toàn ngành, phản ánh chất lượng tài sản thận trọng và bộ đệm dự phòng tương đối dày. **VCB** tiếp tục nổi bật với mức chi phí tín dụng thấp, phù hợp với đặc điểm danh mục tín dụng an toàn và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao. **CTG** và **BID** có mức trích lập cao hơn VCB nhưng vẫn trong vùng kiểm soát, cho thấy áp lực dự phòng không còn là yếu tố cản trở quá lớn như giai đoạn trước. Nhờ nền tảng tài sản tốt, nhóm quốc doanh có lợi thế trong việc duy trì tăng trưởng lợi nhuận ổn định ngay cả khi rủi ro nợ xấu toàn ngành có dấu hiệu quay trở lại.

NHTM tư nhân lớn: VPB vẫn là điểm áp lực, ACB và TCB phòng thủ hơn Trong nhóm NHTM tư nhân lớn, chi phí tín dụng phân hóa rõ nét. **VPB** vẫn là ngân hàng có mức chi phí tín dụng cao nhất do đặc thù danh mục cho vay tiêu dùng và khẩu vị rủi ro cao hơn, dù xu hướng đã giảm so với giai đoạn đỉnh. **MBB** có mức trích lập ở vùng trung bình, phản ánh cân bằng giữa tăng trưởng tín dụng cao và kiểm soát rủi ro. Ngược lại, **ACB** và **TCB** duy trì chi phí tín dụng thấp hơn, nhờ chiến lược tín dụng chọn lọc, chất lượng tài sản tương đối tốt và khả năng kiểm soát nợ xấu hiệu quả hơn. Điều này cho thấy trong cùng nhóm ngân hàng tư nhân lớn, lợi thế sẽ nghiêng về các ngân hàng có danh mục tín dụng ít biến động và bộ đệm rủi ro tốt.

Nhóm NHTM khác: Áp lực dự phòng khác biệt theo khẩu vị rủi ro từng ngân hàng Ở nhóm ngân hàng thương mại còn lại, bức tranh chi phí tín dụng tiếp tục phân hóa mạnh. **HDB** và **SHB** ghi nhận mức trích lập cao hơn mặt bằng phòng thủ, phản ánh chiến lược tăng trưởng tín dụng nhanh và mức độ nhạy cảm cao hơn với chu kỳ tín dụng. **STB** vẫn chịu ảnh hưởng từ quá trình xử lý tài sản tồn đọng, dù áp lực đã giảm dần so với các năm trước. Trong khi đó, **LPB**, **VIB** và **OCB** có mức chi phí tín dụng biến động theo từng quý, cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tài sản vẫn là yếu tố cần theo dõi. Nhìn chung, nhóm ngân hàng quy mô vừa có dư địa tăng trưởng lợi nhuận, nhưng mức độ bền vững sẽ phụ thuộc lớn vào khả năng kiểm soát nợ xấu mới và chi phí dự phòng.

➢ **Chi phí tín dụng được kiểm soát nhưng khó giảm sâu trong 2026.** chi phí tín dụng toàn ngành đang ổn định hơn so với giai đoạn cao điểm, hỗ trợ cải thiện lợi nhuận ngân hàng trong ngắn hạn. Tuy nhiên, triển vọng cả năm 2026 nhiều khả năng chưa thể quá tích cực theo hướng giảm mạnh, do mặt bằng lãi suất cho vay cao hơn có thể khiến nợ xấu hình thành mới tăng trở lại ở các phân khúc nhạy cảm như bất động sản, tiêu dùng và SME. Dù vậy, lợi nhuận trước dự phòng vẫn duy trì tích cực sẽ tạo dư địa để các ngân hàng tiếp tục củng cố bộ đệm mà không gây áp lực quá lớn lên LNTT. Do đó, chi phí tín dụng sẽ là yếu tố quyết định mức độ phân hóa lợi nhuận, trong đó nhóm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tỷ lệ bao phủ cao và khẩu vị tín dụng thận trọng sẽ có lợi thế rõ rệt hơn.

Chi phí tín dụng được kiểm soát



*Chi phí tín dụng (%): chi phí trích lập dự phòng trong kỳ/tổng tài sản sinh lãi

Nguồn: Finpro; tổng hợp OCBS.

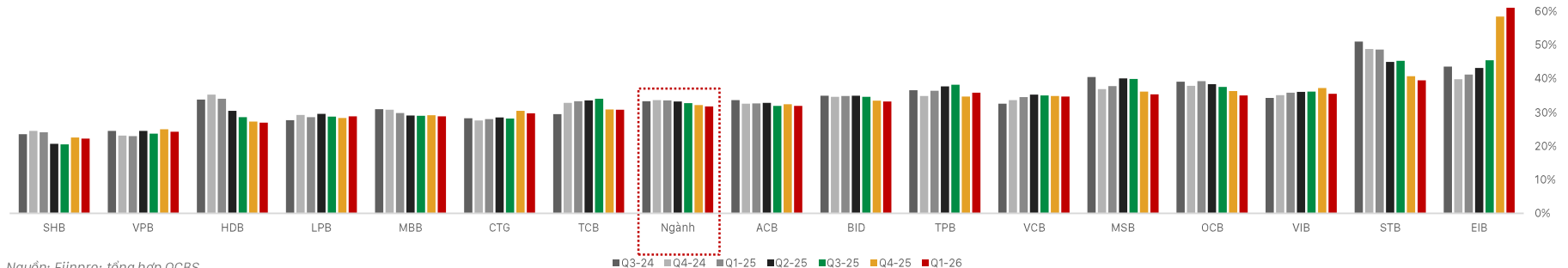
NHTM quốc doanh: CIR ổn định, dự địa cải thiện đến từ quy mô và số hóa Nhóm NHTM quốc doanh duy trì CIR ở vùng tương đối ổn định, phản ánh lợi thế về quy mô, tệp khách hàng lớn và khả năng kiểm soát chi phí vận hành. **CTG** có xu hướng cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn, hỗ trợ đa tăng trưởng lợi nhuận trong bối cảnh thu nhập lãi thuần phục hồi. **VCB** và **BID** duy trì CIR quanh vùng trung bình ngành, cho thấy chi phí hoạt động vẫn được kiểm soát, dù dự địa giảm sâu không còn quá lớn do yêu cầu đầu tư công nghệ, nhân sự và hạ tầng quản trị rủi ro tiếp tục gia tăng.

NHTM tư nhân lớn: Hiệu quả hoạt động phân hóa, VPB và MBB nổi bật hơn Ở nhóm NHTM tư nhân lớn, **VPB** và **MBB** cho thấy hiệu quả hoạt động tương đối tích cực với CIR thấp hơn mặt bằng chung, nhờ quy mô hoạt động lớn, hệ sinh thái khách hàng rộng và khả năng kiểm soát chi phí tốt. **TCB** vẫn duy trì CIR ở vùng ổn định, phản ánh nền tảng hoạt động hiệu quả nhưng chịu ảnh hưởng nhất định từ tốc độ tăng thu nhập ngoài lãi chưa đồng đều. **ACB** có CIR tiệm cận mức trung bình ngành, phù hợp với chiến lược tăng trưởng thận trọng và tập trung vào chất lượng tài sản. Nhìn chung, nhóm ngân hàng tư nhân lớn vẫn có lợi thế về hiệu quả vận hành, nhưng mức độ cải thiện CIR trong năm 2026 sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào khả năng mở rộng thu nhập ngoài lãi và kiểm soát chi phí đầu tư công nghệ.

Nhóm NHTM khác: Chênh lệch hiệu quả vận hành còn lớn Nhóm ngân hàng thương mại còn lại ghi nhận sự phân hóa rõ rệt về CIR. **SHB** và **HDB** là những điểm sáng khi duy trì CIR ở mức thấp, qua đó hỗ trợ đáng kể cho tăng trưởng lợi nhuận. **LPB** cũng giữ hiệu quả hoạt động tương đối ổn định, phản ánh quy mô thu nhập cải thiện trong các năm gần đây. Ngược lại, **STB, OCB, VIB** và đặc biệt **EIB** có CIR cao hơn mặt bằng chung, cho thấy áp lực chi phí vận hành vẫn còn lớn hoặc tốc độ tăng thu nhập chưa theo kịp chi phí. Với nhóm này, khả năng cải thiện CIR sẽ là yếu tố quan trọng để chuyển hóa tăng trưởng tín dụng thành tăng trưởng lợi nhuận bền vững hơn.

➤ **CIR khó giảm mạnh nhưng vẫn là điểm tựa lợi nhuận.** CIR toàn ngành đang duy trì ở vùng ổn định, cho thấy các ngân hàng vẫn kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong bối cảnh NIM chịu áp lực và chi phí vốn tăng. Trong năm 2026, CIR được kỳ vọng tiếp tục hỗ trợ lợi nhuận, nhưng dự địa cải thiện mạnh không còn nhiều do các ngân hàng vẫn phải đầu tư cho chuyển đổi số, quản trị rủi ro, tuân thủ Basel III và nâng cấp hệ thống dữ liệu. Vì vậy, lợi thế sẽ thuộc về các ngân hàng có quy mô lớn, nền tảng số hóa tốt và khả năng mở rộng thu nhập nhanh hơn chi phí, trong khi nhóm có CIR cao sẽ cần thêm thời gian để cải thiện hiệu quả vận hành.

Chi phí hoạt động duy trì ổn định



Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

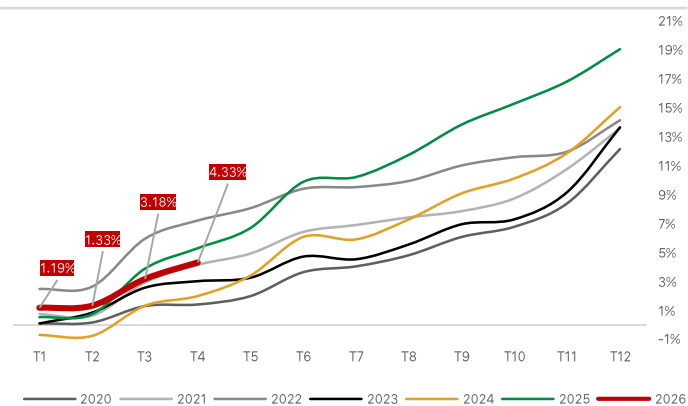
TÍN DỤNG TĂNG TỐC SỚM, NHƯNG DỰ ĐOÁN MỞ RỘNG BẮT ĐẦU PHỤ THUỘC VÀO HUY ĐỘNG

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đang khởi động khá tích cực, diễn biến này cho thấy nhu cầu vốn của nền kinh tế vẫn duy trì tốt, đặc biệt trong bối cảnh đầu tư công, xây dựng hạ tầng, sản xuất kinh doanh và một phần chuỗi giá trị bất động sản tiếp tục cần vốn. Tuy nhiên, so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm khoảng 15%, tốc độ tăng hiện tại vẫn nằm trong vùng kiểm soát, phản ánh định hướng điều hành thận trọng hơn của NHNN nhằm cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng và ổn định vĩ mô.

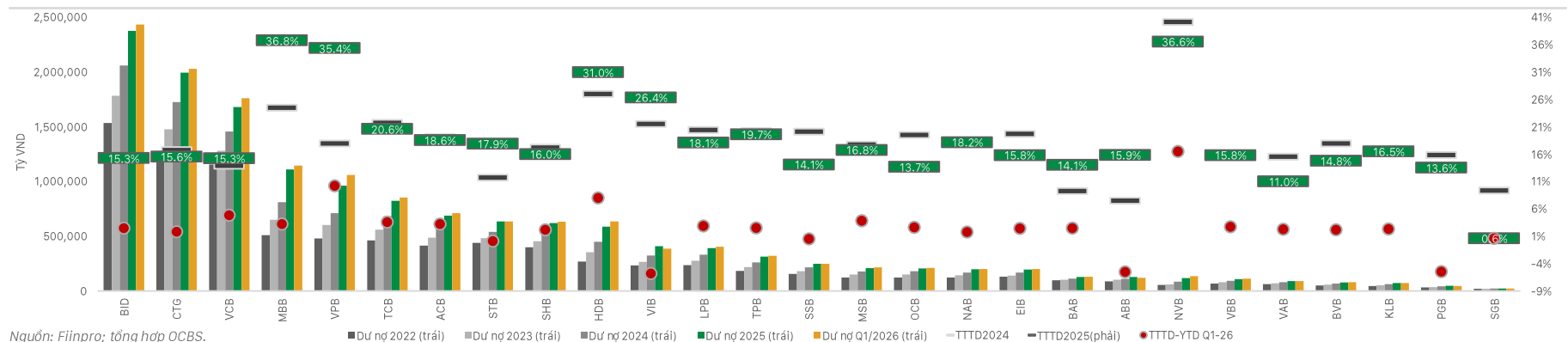
Ở cấp độ từng ngân hàng, tăng trưởng tín dụng phân hóa rõ nét. Nhóm ngân hàng có quy mô lớn như BID, CTG và VCB vẫn đóng vai trò dẫn dắt về quy mô tuyệt đối, trong khi các ngân hàng tư nhân có lợi thế hạn mức nguồn vốn như VPB, HDB, MBB, TCB ghi nhận tốc độ tăng trưởng nổi bật hơn. Một số ngân hàng quy mô vừa như MSB, OCB, TPB, LPB cũng duy trì đà tăng tích cực, nhưng mức độ bền vững sẽ phụ thuộc vào khả năng huy động và kiểm soát LDR. Điều này cho thấy hạn mức tín dụng không còn là yếu tố duy nhất quyết định tăng trưởng, mà năng lực mở rộng nguồn vốn ổn định đang trở thành biến số phân hóa quan trọng giữa các ngân hàng.

Triển vọng cả năm 2026 vẫn tích cực, nhưng khó lặp lại tốc độ tăng trưởng rất cao của năm 2025. Tín dụng nhiều khả năng tiếp tục được hỗ trợ bởi nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và các lĩnh vực ưu tiên. Dù vậy, NHNN dự kiến điều hành thận trọng hơn và phân bổ hạn mức theo nhịp độ phù hợp hơn nhằm hạn chế rủi ro thanh khoản, lạm phát và chất lượng tài sản. Do đó, tín dụng năm 2026 vẫn là động lực chính cho lợi nhuận ngành, nhưng cơ hội sẽ nghiêng về các ngân hàng có nền tảng gửi tốt, CASA ổn định, bộ đệm vốn mạnh và khả năng lựa chọn khách hàng hiệu quả.

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khởi động khá tích cực



Tăng trưởng tín dụng các ngân hàng phân hóa rõ nét



Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

HUY ĐỘNG VỐN TĂNG VỀ QUY MÔ NHƯNG ÁP LỰC CẠNH TRANH CHƯA HẠ NHIỆT

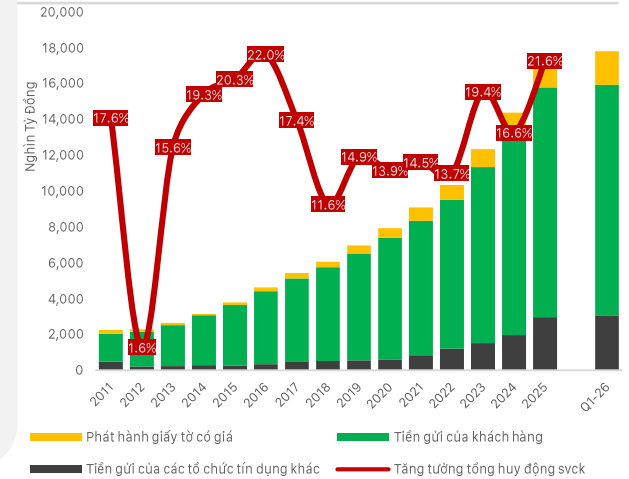


Nguồn huy động toàn hệ thống tiếp tục mở rộng mạnh về quy mô, trong đó tiền gửi khách hàng vẫn là cấu phần chủ đạo, còn phát hành giấy tờ có giá ngày càng đóng vai trò bổ sung quan trọng khi tín dụng tăng nhanh hơn tiền gửi cốt lõi. Sau giai đoạn tăng trưởng huy động cao trong năm 2025, bước sang Q1/2026, hệ thống vẫn duy trì nên huy động lớn nhưng tốc độ tăng chậm lại, phản ánh dòng tiền dân cư và doanh nghiệp chưa quay lại hệ thống đủ nhanh trong bối cảnh các kênh đầu tư khác vẫn hấp dẫn và nhu cầu tín dụng hồi phục sớm.

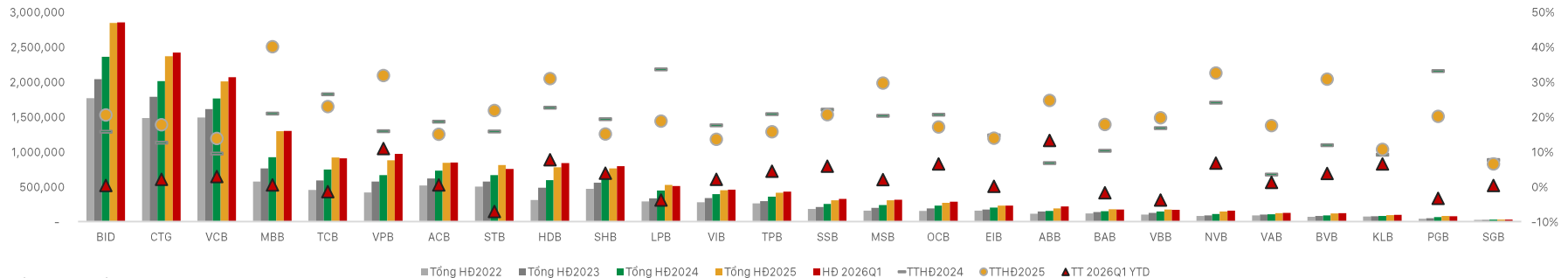
Ở cấp độ từng ngân hàng, nhóm quốc doanh gồm BID, CTG và VCB vẫn dẫn đầu tuyệt đối về quy mô huy động nhờ lợi thế thương hiệu, mạng lưới và tệp khách hàng lớn. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng không còn quá vượt trội do mặt bằng lãi suất huy động của nhóm này thường thấp hơn nhóm NHTMCP, khiến một phần dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang các ngân hàng trả lãi suất cao hơn. Dù vậy, nhóm quốc doanh vẫn có lợi thế về tính ổn định của nguồn vốn và được hỗ trợ thêm từ tiền gửi từ tiền gửi Kho bạc Nhà nước khi tính toán LDR. Nhóm NHTMCP ghi nhận sự phân hóa rõ hơn. Một số ngân hàng như VPB, HDB, MBB, ACB, LPB và SHB duy trì tăng trưởng huy động tích cực nhờ chủ động nâng lãi suất, mở rộng tiền gửi khách hàng và tăng phát hành giấy tờ có giá. Ngược lại, các ngân hàng có quy mô nhỏ hơn hoặc nền tiền gửi chưa ổn định sẽ chịu áp lực lớn hơn trong việc bắt kịp tăng trưởng tín dụng. Điều này cho thấy trong năm 2026, năng lực huy động vốn không chỉ là yếu tố hỗ trợ thanh khoản mà còn trực tiếp quyết định dự địa tăng trưởng tín dụng và khả năng bảo vệ NIM.

Triển vọng cả năm 2026, huy động vốn được kỳ vọng phục hồi dần khi mặt bằng lãi suất tiền gửi đã hấp dẫn hơn và yếu tố mùa vụ tiền gửi doanh nghiệp cải thiện sau Q1. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh huy động nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức cao do LDR toàn hệ thống ở vùng căng, tín dụng tăng nhanh và các yêu cầu mới như CDR, LCR, NSFR buộc ngân hàng phải tăng tỷ trọng nguồn vốn ổn định, kỳ hạn dài hơn. Vì vậy, lợi thế sẽ thuộc về các ngân hàng có nền tiền gửi khách hàng bền vững, CASA tốt, khả năng phát hành giấy tờ có giá với chi phí hợp lý và bộ đệm thanh khoản đủ lớn.

Nguồn huy động toàn hệ thống tiếp tục mở rộng mạnh về quy mô

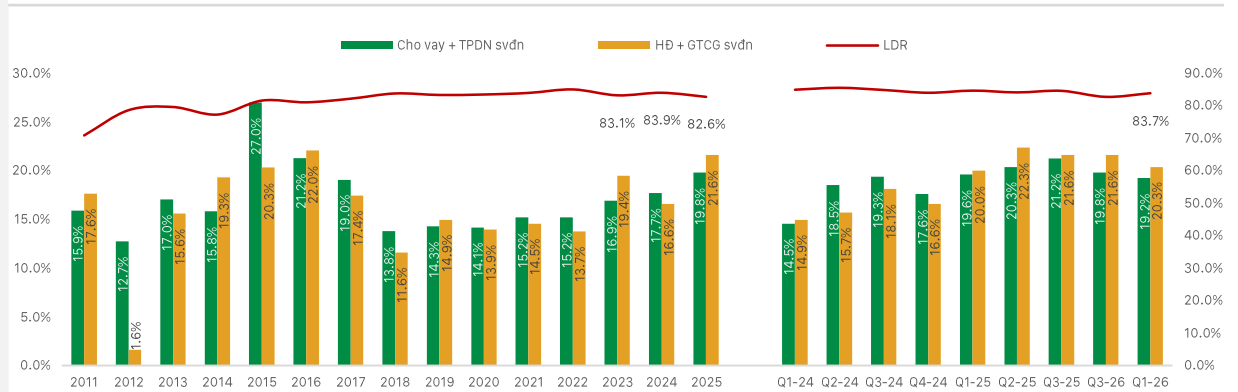


Nhóm quốc doanh gồm BID, CTG và VCB vẫn dẫn đầu tuyệt đối về quy mô huy động nhờ lợi thế thương hiệu, mạng lưới và tệp khách hàng lớn

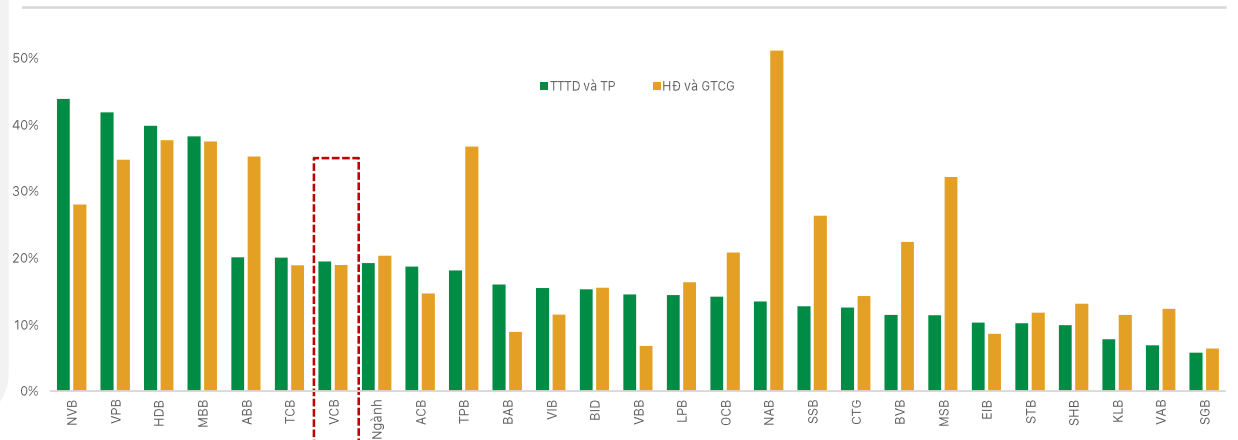


Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

Tốc độ tăng trưởng huy động và tín dụng đang có dấu hiệu cân bằng hơn trong Q1/2026



Phân hoá khá lớn giữa các ngân hàng tại thời điểm cuối Q1-2026



Tốc độ tăng trưởng huy động và tín dụng đang có dấu hiệu cân bằng hơn trong Q1/2026, khi huy động khách hàng và giấy tờ có giá tăng tương đối sát với dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp. Điều này giúp LDR của hệ thống chưa tăng đột biến và vẫn dao động quanh vùng hơn 83%, thấp hơn ngưỡng quy định nhưng vẫn là vùng tương đối nhạy cảm trong bối cảnh tín dụng đã tăng nhanh ngay từ đầu năm. Diễn biến này cho thấy các ngân hàng đã chủ động đẩy mạnh huy động, phát hành giấy tờ có giá và kéo dài kỳ hạn nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu tín dụng, đặc biệt sau giai đoạn 2025 tín dụng tăng mạnh và tạo áp lực lên thanh khoản hệ thống.

Nhóm **MBB, VPB, HDB** và một số ngân hàng có tốc độ mở rộng tín dụng cao tiếp tục ghi nhận tăng trưởng dư nợ vượt trội, nhờ lợi thế hạn mức, chiến lược tăng trưởng mạnh và khả năng khai thác các phân khúc khách hàng riêng. Tuy nhiên, nhóm này cũng chịu áp lực lớn hơn trong việc duy trì tốc độ huy động tương ứng để tránh LDR tăng nhanh và gây sức ép lên chi phí vốn. Ngược lại, một số ngân hàng có tăng trưởng huy động cao hơn tín dụng cho thấy xu hướng ưu tiên củng cố thanh khoản, tạo bộ đệm nguồn vốn trước khi mở rộng tín dụng mạnh hơn trong các quý sau.

Triển vọng năm 2026, huy động vốn sẽ là biến số then chốt quyết định khả năng tăng trưởng tín dụng của từng ngân hàng. Dù nhu cầu tín dụng vẫn được hỗ trợ bởi sản xuất kinh doanh, đầu tư công, hạ tầng và một phần chuỗi giá trị bất động sản, NHNN nhiều khả năng tiếp tục điều hành thận trọng nhằm kiểm soát rủi ro hệ thống. Trong khi đó, các yêu cầu mới liên quan đến CDR, LCR và NSFR sẽ khiến ngân hàng phải chú trọng hơn đến nguồn vốn ổn định, kỳ hạn dài và chất lượng thanh khoản. Vì vậy, lợi thế trong năm 2026 sẽ thuộc về các ngân hàng có nền tảng gửi khách hàng bền vững, CASA ổn định, khả năng phát hành giấy tờ có giá với chi phí hợp lý và tốc độ tăng tín dụng không vượt quá năng lực huy động.

NHNN TIẾP TỤC DUY TRÌ VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT THANH KHOẢN, NHẪM ỔN ĐỊNH HỆ THỐNG HƠN LÀ NƠI LÒNG MẠNH NHƯ GIAI ĐOẠN TRƯỚC.

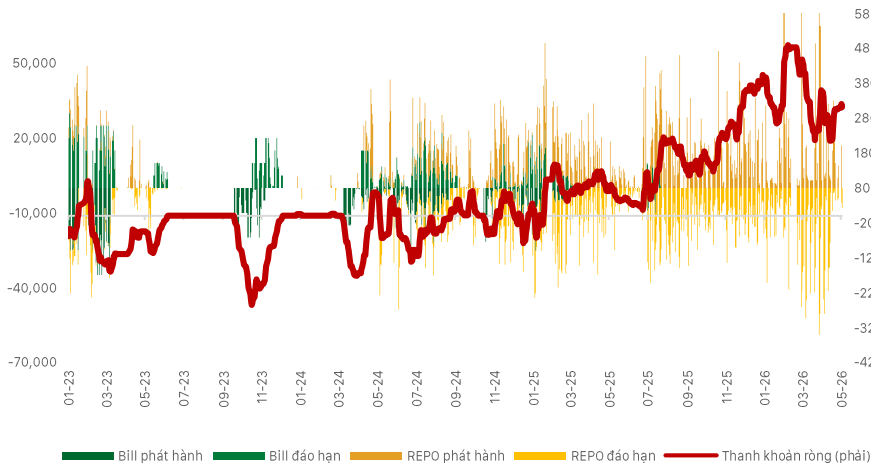


Diễn biến trên thị trường mở cho thấy quy mô bơm ròng không còn duy trì ở mức cao do áp lực đáo hạn gia tăng, phản ánh trạng thái điều hành đang dịch chuyển sang trung tính, trong đó thanh khoản vẫn được hỗ trợ nhưng có kiểm soát. Điều này phù hợp với bối cảnh lãi suất liên ngân hàng đã được đưa về vùng thấp và mục tiêu chính sách chuyển dần sang cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát rủi ro vĩ mô, đặc biệt là áp lực tỷ giá và lạm phát.

Chỉ số DXY có xu hướng hạ nhiệt sau giai đoạn tăng mạnh, chủ yếu do kỳ vọng thị trường chuyển dịch theo hướng Fed có thể nới lỏng chính sách trong tương lai khi lạm phát Mỹ dần ổn định, đồng thời chênh lệch lãi suất toàn cầu không còn mở rộng đáng kể. Tuy nhiên, xu hướng giảm này mang tính điều chỉnh kỹ thuật nhiều hơn là đảo chiều bền vững khi mặt bằng lãi suất USD vẫn chưa được FED tiếp tục điều chỉnh giảm, khiến sức hấp dẫn của đồng USD chưa suy giảm rõ rệt. Trong bối cảnh đó, tỷ giá USD/VND dù vẫn neo ở vùng cao nhưng đã ổn định hơn, biên độ dao động thu hẹp và không còn xuất hiện các cú sốc ngắn hạn, qua đó giảm áp lực lên chính sách tiền tệ trong nước. Điều này cho phép NHNN duy trì định hướng hỗ trợ thanh khoản mà không cần thắt chặt trở lại quá sớm.

Tuy vậy, rủi ro vẫn hiện hữu khi nhu cầu ngoại tệ có tính mùa vụ (nhập khẩu, trả nợ, chuyển lợi nhuận FDI) có thể gia tăng trong các quý tới, trong khi dòng vốn quốc tế vẫn nhạy cảm với biến động lãi suất toàn cầu. Tổng thể, chính sách tiền tệ Việt Nam đang ở trạng thái "điều tiết linh hoạt trong vùng trung tính", với thanh khoản được kiểm soát chặt chẽ và tỷ giá tạm thời ổn định nhờ yếu tố bên ngoài; trong thời gian tới, dự địa điều hành sẽ tiếp tục phụ thuộc lớn vào diễn biến của DXY và xu hướng dòng vốn toàn cầu hơn là các yếu tố nội tại đơn lẻ.

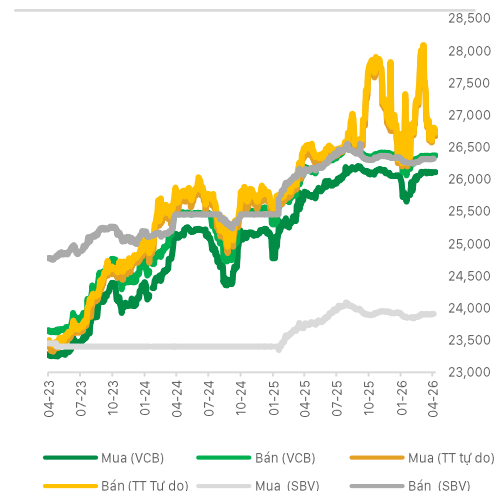
NHNN tích cực bơm ròng thanh khoản hỗ trợ thị trường. Đơn vị: VND/USD



DXY tiếp tục hạ nhiệt

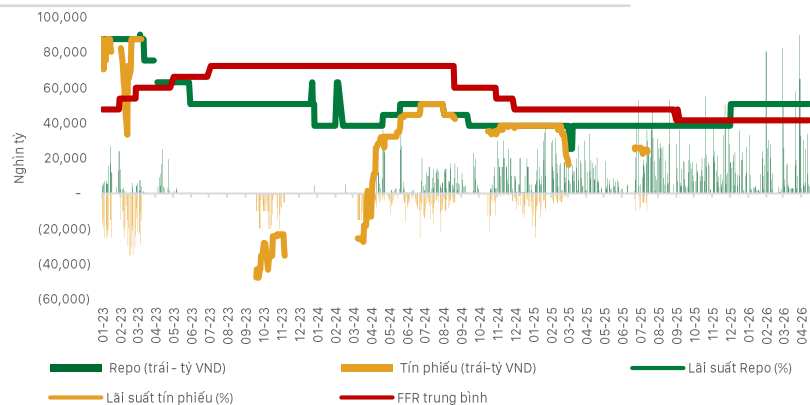


USD/VND giảm bớt áp lực. Đơn vị: VND/USD

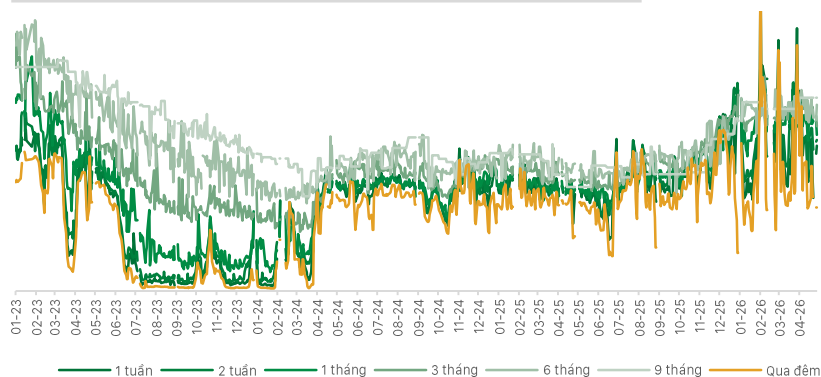


Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO

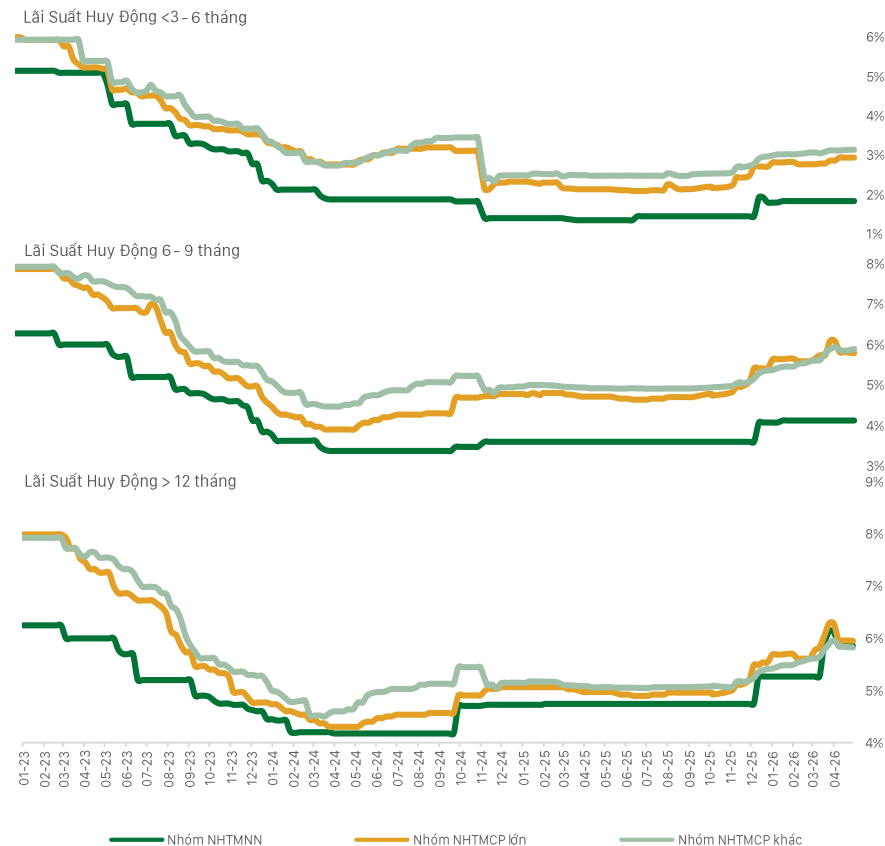


Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt



Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

Mặt bằng lãi suất huy động có giảm nhẹ sau giai đoạn gia tăng.

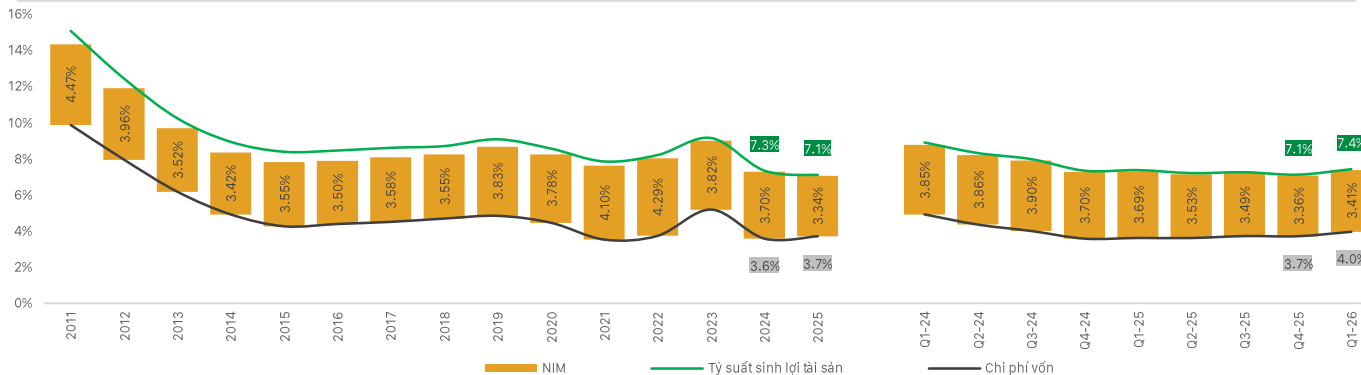


NHTM quốc doanh: NIM thấp nhưng ổn định hơn nhờ lợi thế chi phí vốn

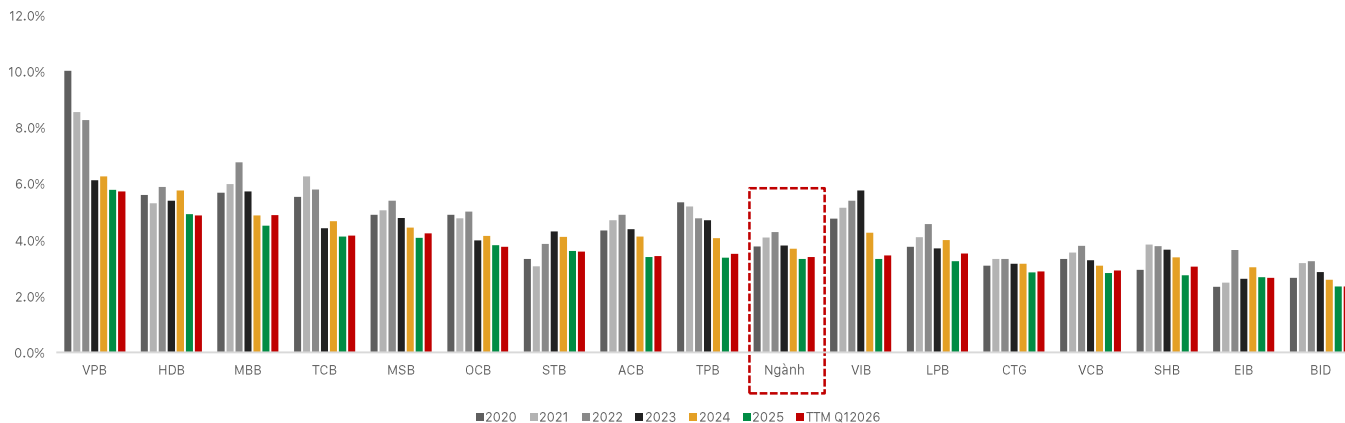
Nhóm NHTM quốc doanh gồm **VCB**, **BID** và **CTG** duy trì NIM ở mức thấp hơn mặt bằng chung, phản ánh đặc thù danh mục tín dụng an toàn, tỷ trọng khách hàng doanh nghiệp lớn và vai trò hỗ trợ nền kinh tế thông qua mặt bằng lãi suất cho vay cạnh tranh. Tuy nhiên, nhóm này cũng có lợi thế rõ rệt về chi phí vốn nhờ thương hiệu, mạng lưới huy động rộng và nền tiền gửi ổn định. Trong bối cảnh lãi suất huy động tăng trở lại, **VCB** tiếp tục nổi bật về khả năng kiểm soát chi phí vốn, trong khi **CTG** và **BID** có thể hưởng lợi từ quy mô tín dụng lớn và mức độ cải thiện NIM nhẹ khi các khoản vay hiện hữu được tái định giá.

NHTM tư nhân lớn: Áp lực NIM rõ hơn, nhưng phân hóa theo chất lượng nguồn vốn
 Ở nhóm NHTM tư nhân lớn, NIM nhìn chung chịu áp lực mạnh hơn do cạnh tranh huy động gay gắt và chi phí vốn tăng nhanh. **VPB** vẫn có NIM cao nhất nhờ đặc thù danh mục cho vay có lợi suất cao, nhưng mức độ biến động cũng lớn hơn do áp lực chi phí tín dụng và huy động. **MBB** và **TCB** duy trì lợi thế về hệ sinh thái khách hàng, CASA và hiệu quả vận hành, nhưng NIM vẫn bị ảnh hưởng bởi việc hỗ trợ lãi suất cho khách hàng và sự chứng lại của các khoản vay bất động sản lợi suất cao. **ACB** có NIM thấp hơn nhóm tăng trưởng cao, nhưng ổn định hơn nhờ khẩu vị tín dụng thận trọng và chất lượng tài sản tốt.

Với việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đã gây áp lực lên NIM của hệ thống ngân hàng qua thời gian



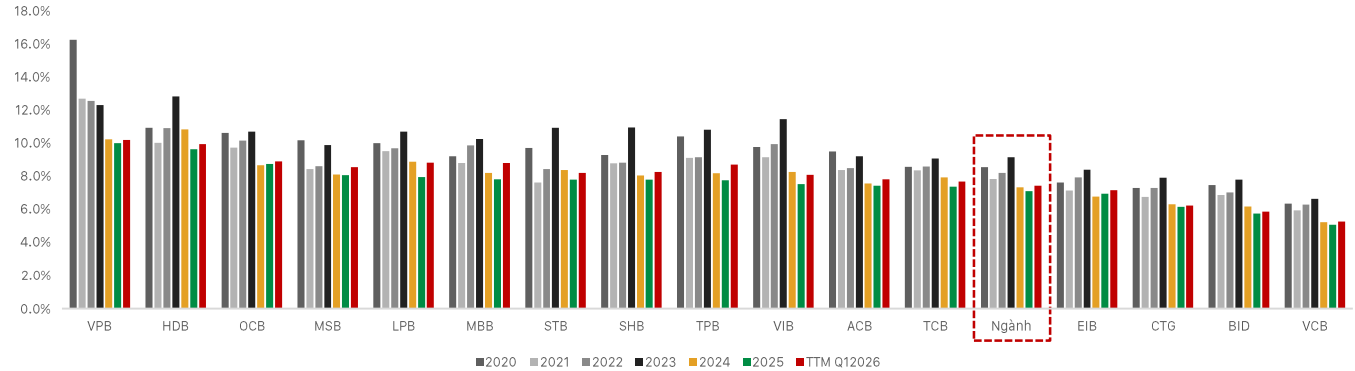
NIM của hầu hết các ngân hàng đều chịu áp lực



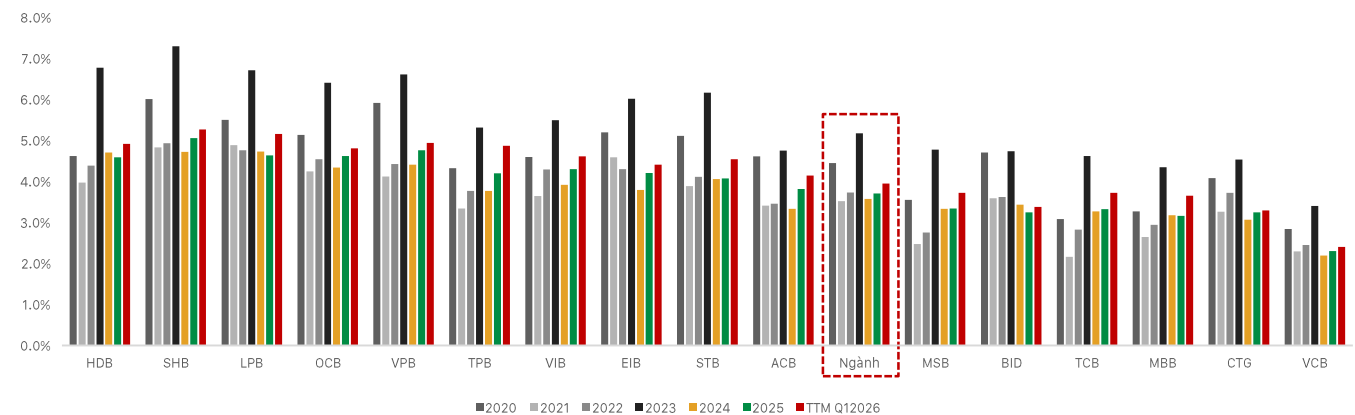
Nhóm NHTM khác: NIM phân hóa mạnh theo khẩu vị rủi ro và năng lực huy động Nhóm ngân hàng thương mại còn lại ghi nhận mức độ phân hóa lớn. **HDB, SHB** và **LPB** vẫn duy trì NIM tương đối cao hơn nhờ tập trung vào các phân khúc khách hàng có lợi suất tốt hơn, nhưng đi kèm áp lực chi phí vốn khi cạnh tranh huy động tăng. **VIB, TPB, OCB** và **MSB** chịu sức ép rõ hơn khi chi phí huy động tăng trong khi lợi suất tài sản chưa phục hồi tương ứng. Với nhóm ngân hàng quy mô vừa, khả năng bảo vệ NIM sẽ phụ thuộc nhiều vào năng lực duy trì CASA, mở rộng tiền gửi khách hàng bền vững và lựa chọn phân khúc tín dụng có biên lợi nhuận đủ hấp dẫn nhưng không làm gia tăng rủi ro nợ xấu.

> **NIM có thể tạo đáy, nhưng khó phục hồi mạnh trong 2026.** NIM toàn ngành đã chịu áp lực trong thời gian dài do các ngân hàng giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, trong khi chi phí vốn bắt đầu tăng trở lại từ cuối năm 2025. Trong năm 2026, NIM có thể ổn định hoặc cải thiện nhẹ nhờ lãi suất cho vay được tái định giá và tín dụng mới có biên lợi nhuận tốt hơn, nhưng dư địa phục hồi mạnh còn hạn chế do lãi suất huy động vẫn neo cao, thanh khoản hệ thống căng và các yêu cầu mới về CDR, LCR, NSFR có thể làm tăng nhu cầu huy động vốn kỳ hạn dài. Vì vậy, NIM sẽ tiếp tục là biến số phân hóa lợi nhuận, trong đó lợi thế thuộc về các ngân hàng có chi phí vốn thấp, CASA ổn định, nguồn vốn bền vững và khả năng định giá tín dụng tốt.

Cho vay hỗ trợ doanh nghiệp tác động lên tỷ suất sinh lợi trên tài sản các ngân hàng



Với mặt bằng lãi suất được SBV tích cực kiểm soát đã phần nào tác động chi phí vốn



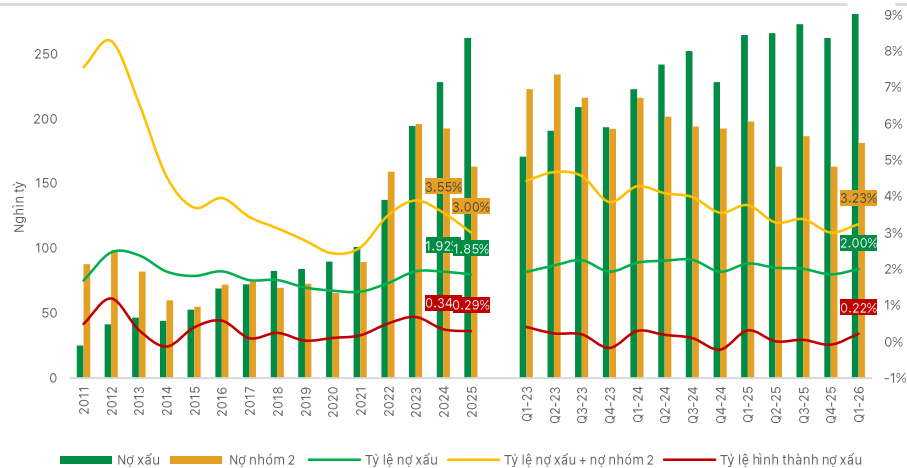
Nợ xấu toàn ngành tiếp tục tăng về quy mô trong Q1/2026, phản ánh tác động trễ của giai đoạn tín dụng tăng nhanh và môi trường lãi suất cho vay cao hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu vẫn duy trì quanh vùng 2,0%, chưa cho thấy sự xấu đi đột biến của chất lượng tài sản. Điểm tích cực là tỷ lệ hình thành nợ xấu mới vẫn ở mức thấp, trong khi nợ nhóm 2 có dấu hiệu hạ nhiệt so với các giai đoạn cao điểm trước đó, cho thấy áp lực chuyển nhóm nợ vẫn đang được kiểm soát.

Ở chiều ngược lại, bộ đệm dự phòng có xu hướng suy giảm tương đối khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm so với giai đoạn đỉnh 2021–2022. Dù giá trị dự phòng rủi ro cho vay khách hàng vẫn tăng đều qua các năm, tốc độ tăng của nợ xấu nhanh hơn khiến LLR toàn ngành chưa phục hồi rõ rệt. Điều này hàm ý các ngân hàng vẫn cần duy trì chính sách trích lập thận trọng trong các quý tới, đặc biệt với nhóm có tỷ trọng cho vay bất động sản, tiêu dùng, SME hoặc các khoản vay tái cơ cấu cao hơn mặt bằng chung.

Triển vọng cả năm 2026, chất lượng tài sản được kỳ vọng vẫn trong vùng kiểm soát nhưng khó cải thiện mạnh. Tăng trưởng tín dụng tiếp tục là động lực chính cho lợi nhuận, song mặt bằng lãi suất cho vay cao hơn có thể làm gia tăng áp lực trả nợ của khách hàng và khiến nợ xấu hình thành mới quay trở lại ở một số phân khúc nhạy cảm. Do đó, chi phí dự phòng nhiều khả năng sẽ không giảm sâu, mà duy trì ở mức đủ để củng cố bộ đệm rủi ro.

Tổng thể, rủi ro nợ xấu chưa phải yếu tố gây áp lực hệ thống ngay lập tức, nhưng sẽ là biến số quan trọng quyết định mức độ phân hóa lợi nhuận ngân hàng trong năm 2026. Các ngân hàng có tỷ lệ bao phủ cao, chất lượng tài sản tốt và khả năng kiểm soát nợ nhóm 2 sẽ có lợi thế bảo vệ lợi nhuận, trong khi nhóm có bộ đệm mỏng hoặc khẩu vị tín dụng cao hơn sẽ chịu áp lực trích lập lớn hơn nếu chu kỳ nợ xấu quay trở lại.

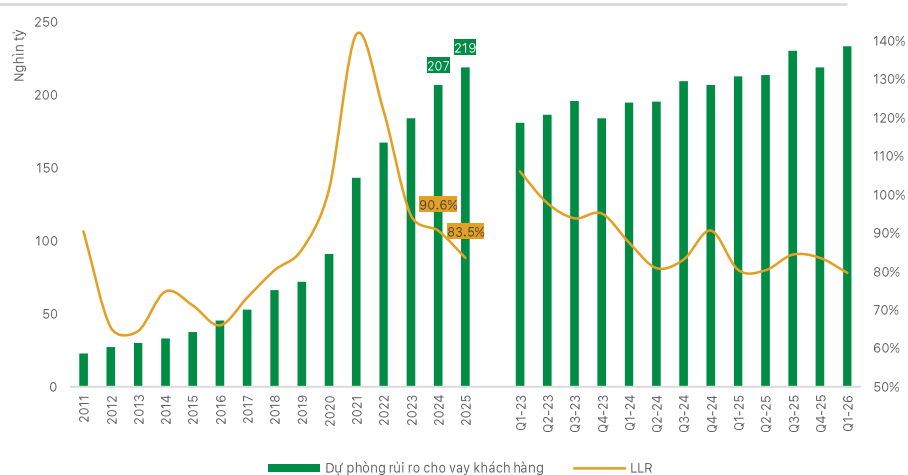
Nợ xấu toàn ngành tiếp tục tăng về quy mô trong Q1/2026



Tỷ lệ hình thành nợ xấu: nợ xấu/nợ nhóm 1+2

Nguồn: Fiinpro; tổng hợp OCBS.

Dự phòng rủi ro và bao phủ nợ xấu toàn ngành



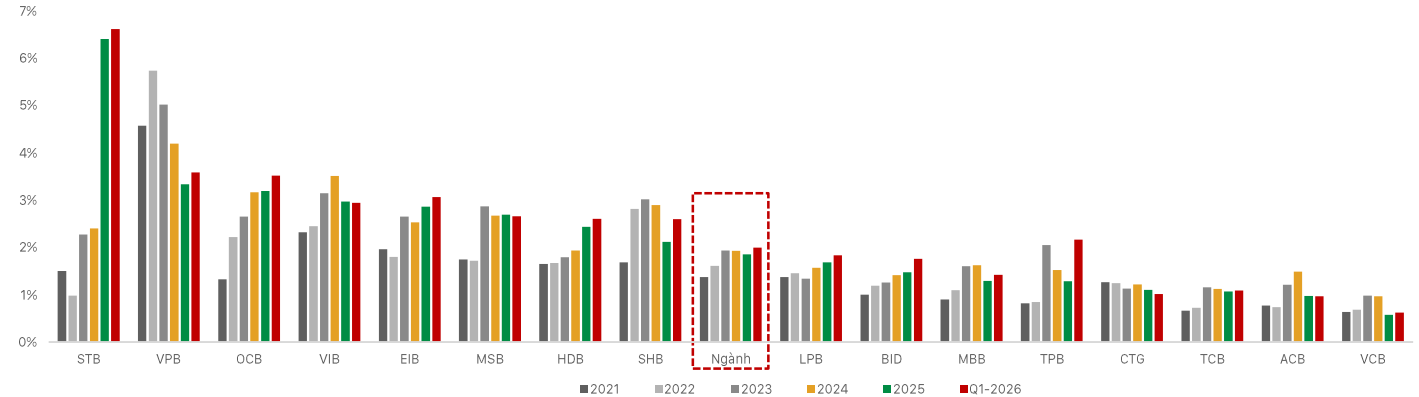
NHTM quốc doanh: Chất lượng tài sản vững hơn mặt bằng chung

Nhóm NHTM quốc doanh tiếp tục thể hiện vai trò phòng thủ về chất lượng tài sản. **VCB** duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp nhất hệ thống cùng tỷ lệ bao phủ nợ xấu vượt trội, phản ánh khẩu vị tín dụng thận trọng và bộ đệm dự phòng rất dày. **CTG** và **BID** có tỷ lệ nợ xấu cao hơn **VCB** nhưng vẫn nằm trong vùng kiểm soát, trong khi tỷ lệ bao phủ duy trì tương đối tốt so với phần lớn ngân hàng tư nhân. Nhìn chung, nhóm quốc doanh có lợi thế rõ rệt về sức chịu đựng rủi ro tín dụng, giúp giảm áp lực trích lập chi phí nợ xấu toàn ngành có dấu hiệu tăng trở lại.

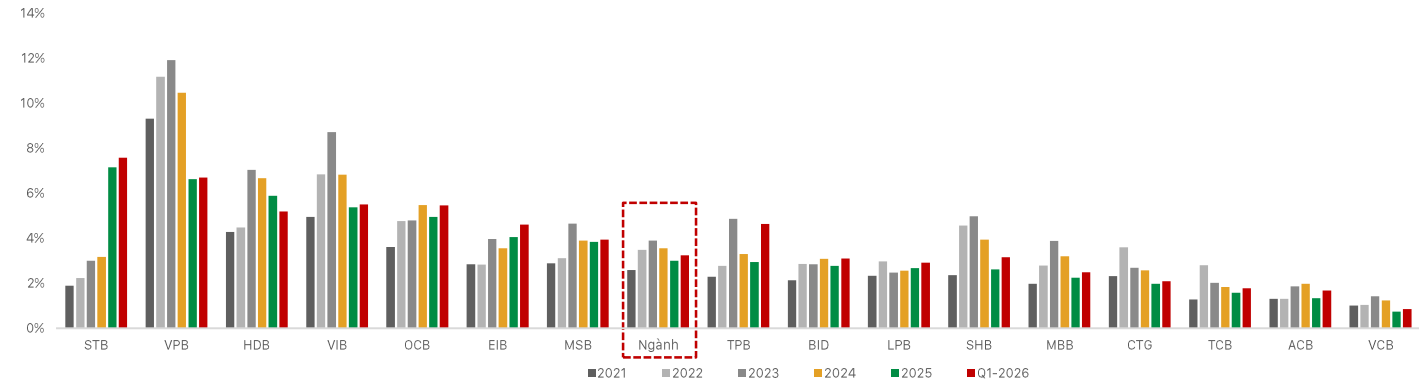
NHTM tư nhân lớn: Phân hóa giữa nhóm an toàn và nhóm chịu áp lực cao hơn

Trong nhóm NHTM tư nhân lớn, **ACB** và **TCB** tiếp tục nổi bật về chất lượng tài sản với tỷ lệ nợ xấu thấp và mức hình thành nợ xấu mới tương đối hạn chế, phù hợp với chiến lược tín dụng chọn lọc. **MBB** duy trì mặt bằng nợ xấu trong vùng kiểm soát, dù cần theo dõi thêm áp lực từ tăng trưởng tín dụng cao và danh mục khách hàng doanh nghiệp. Ngược lại, **VPB** vẫn là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 cao hơn đáng kể do đặc thù cho vay tiêu dùng và khẩu vị rủi ro cao hơn, khiến chi phí tín dụng có thể tiếp tục là biến số lớn đối với tăng trưởng lợi nhuận.

Tỷ lệ nợ xấu các ngân hàng



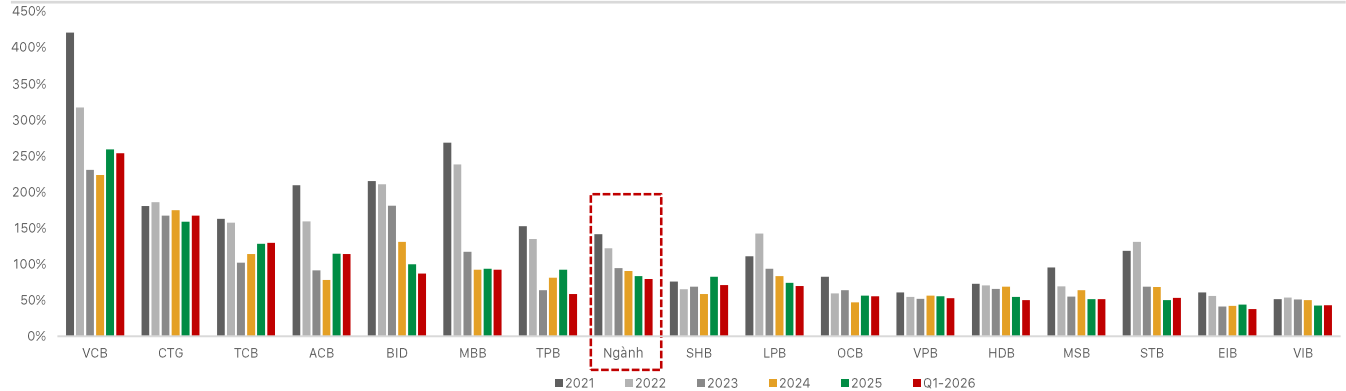
Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2



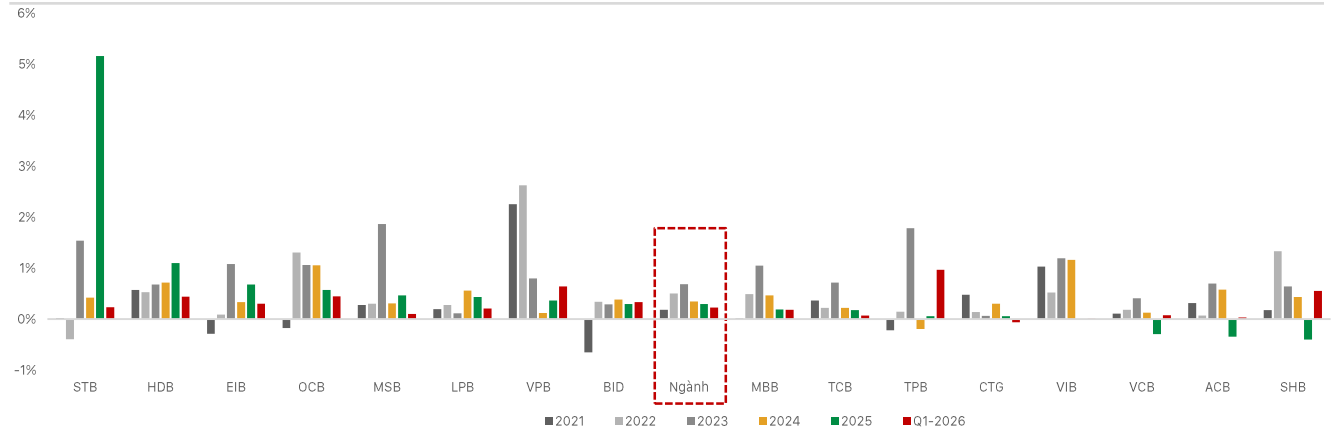
Nhóm NHTM khác: Rủi ro tài sản phân hóa mạnh, STB và nhóm quy mô vừa cần theo dõi ở nhóm ngân hàng thương mại còn lại, mức độ phân hóa chất lượng tài sản rất rõ. STB ghi nhận tỷ lệ nợ xấu cao nhất hệ thống, phản ánh tác động từ quá trình xử lý tài sản tồn đọng và áp lực chất lượng tín dụng vẫn còn lớn. OCB, HDB, VIB, EIB và MSB có tỷ lệ nợ xấu hoặc nợ nhóm 2 cao hơn mặt bằng chung, cho thấy rủi ro chuyển nhóm nợ vẫn cần được theo dõi trong các quý tới. Trong khi đó, LPB và một số ngân hàng quy mô vừa duy trì chất lượng tài sản ổn định hơn, nhưng bộ đệm dự phòng chưa thật sự dày như nhóm quốc doanh, khiến khả năng chống chịu vẫn phụ thuộc nhiều vào diễn biến nợ xấu mới.

➢ Nợ xấu chưa tạo áp lực hệ thống, nhưng là biến số phân hóa lợi nhuận 2026. chất lượng tài sản toàn ngành vẫn trong vùng kiểm soát, nhưng xu hướng nợ xấu và nợ nhóm 2 cho thấy áp lực rủi ro tín dụng chưa hoàn toàn hạ nhiệt. Trong năm 2026, mặt bằng lãi suất cho vay cao hơn, tín dụng tăng nhanh trong các năm trước và độ trễ từ các phân khúc bất động sản, tiêu dùng, SME có thể khiến nợ xấu hình thành mới tăng trở lại. Do đó, triển vọng lợi nhuận sẽ phân hóa mạnh hơn theo chất lượng tài sản: nhóm có tỷ lệ bao phủ cao, nợ nhóm 2 thấp và khẩu vị tín dụng thận trọng sẽ có khả năng bảo vệ lợi nhuận tốt hơn, trong khi nhóm có bộ đệm mỏng hoặc tỷ lệ nợ xấu cao sẽ chịu áp lực trích lập lớn hơn.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu các ngân hàng



Tỷ lệ hình thành nợ xấu



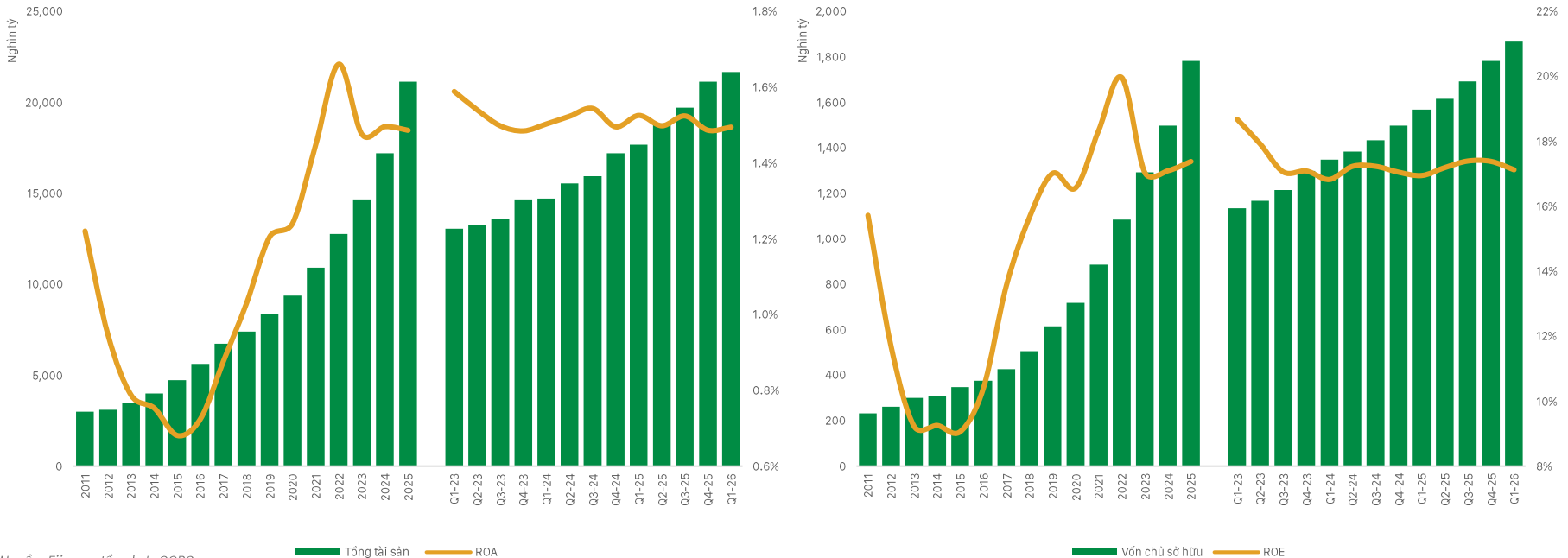
QUY MÔ BẢNG CÂN ĐỐI TIẾP TỤC MỞ RỘNG, HIỆU QUẢ SINH LỜI DUY TRÌ NỀN CAO (1/2)



Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu toàn ngành tiếp tục tăng đều qua các năm, phản ánh quá trình mở rộng bảng cân đối nhằm đáp ứng nhu cầu tín dụng của nền kinh tế và yêu cầu tăng cường năng lực vốn. ROA và ROE của hệ thống đã hạ nhiệt so với vùng đỉnh 2021–2022 nhưng vẫn duy trì ở mức tương đối tích cực, cho thấy khả năng sinh lời của ngành ngân hàng chưa suy giảm mạnh dù chịu áp lực từ NIM, chi phí vốn và chất lượng tài sản. Diễn biến này hàm ý tăng trưởng lợi nhuận vẫn được hỗ trợ bởi quy mô tài sản lớn hơn, trong khi hiệu quả sử dụng vốn đang bước vào giai đoạn ổn định hơn thay vì bất phá như chu kỳ trước.

Ở cấp độ từng ngân hàng, nhóm tư nhân lớn như **TCB**, **VPB**, **HDB**, **MBB** và **ACB** vẫn ghi nhận ROA/ROE cao hơn mặt bằng chung, nhờ lợi thế về hiệu quả vận hành, khả năng khai thác khách hàng và mức sinh lời trên tài sản tốt hơn. Tuy nhiên, mức độ phân hóa khá rõ: **TCB**, **HDB** và **MBB** duy trì hiệu quả sinh lời nổi bật, trong khi **VPB** có ROE cao nhưng đi kèm biến động lớn hơn do đặc thù danh mục tín dụng và chi phí dự phòng. **ACB** giữ đặc tính ổn định hơn, với hiệu quả sinh lời không quá đột biến nhưng được hỗ trợ bởi chất lượng tài sản thận trọng.

Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và tỷ suất sinh lợi ROA, ROE



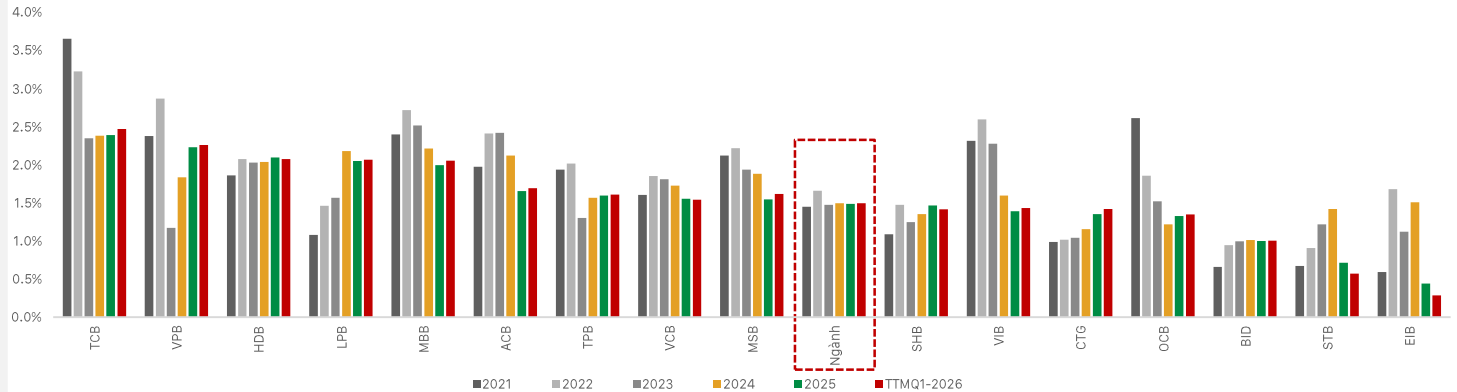
QUY MÔ BẢNG CÂN ĐỐI TIẾP TỤC MỞ RỘNG, HIỆU QUẢ SINH LỜI DUY TRÌ NỀN CAO (2/2)



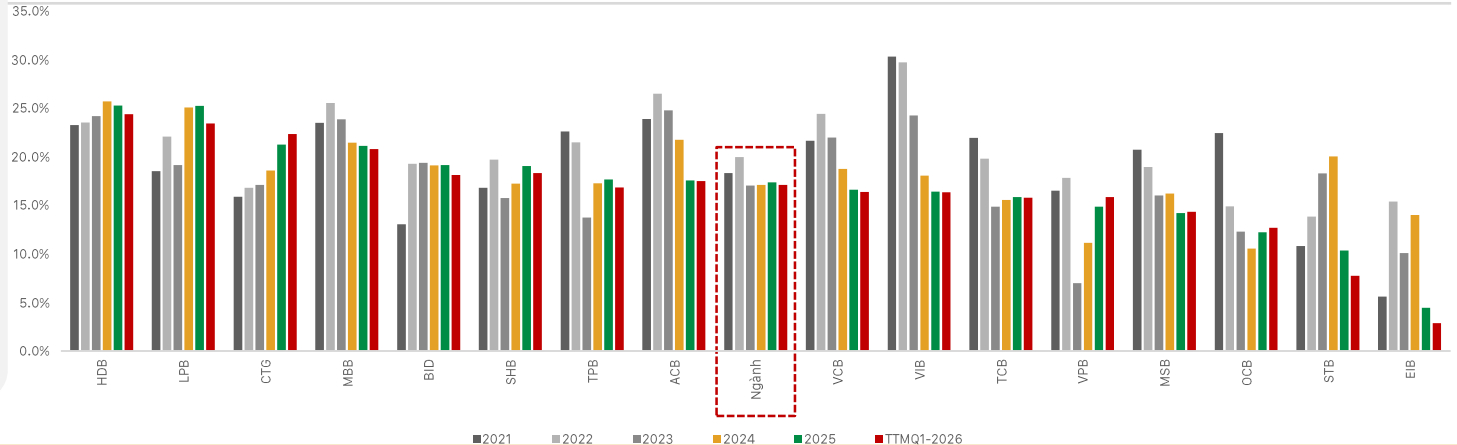
Nhóm NHTM quốc doanh gồm **VCB**, **CTG** và **BID** có ROA thấp hơn nhóm tư nhân lớn do quy mô tài sản rất lớn, danh mục tín dụng an toàn hơn và vai trò hỗ trợ nền kinh tế thông qua mặt bằng lãi suất cho vay cạnh tranh. Dù vậy, ROE vẫn duy trì ở mức hợp lý nhờ nền vốn lớn, chi phí vốn thấp và chất lượng tài sản tốt. Trong đó, **VCB** nổi bật về chất lượng sinh lời và bộ đệm vốn, **CTG** cho thấy xu hướng cải thiện nhờ tăng trưởng lợi nhuận phục hồi, còn **BID** duy trì vai trò dẫn dắt về quy mô nhưng hiệu quả sinh lời có phần thận trọng hơn.

Triển vọng năm 2026, ROA/ROE toàn ngành được kỳ vọng duy trì ổn định hơn là tăng mạnh, do lợi nhuận vẫn tăng nhưng chịu sức ép từ NIM, chi phí huy động và dự phòng. Việc các ngân hàng tiếp tục tăng vốn, mở rộng tài sản và chuẩn bị cho các chuẩn mực an toàn mới như CDR, LCR, NSFR và LEV có thể khiến hiệu quả sinh lời trên vốn khó bứt phá trong ngắn hạn. Tuy nhiên, đây cũng là nền tảng tích cực cho tăng trưởng bền vững hơn trong trung hạn, đặc biệt với các ngân hàng có khả năng duy trì ROA cao, kiểm soát CIR tốt, chi phí tín dụng thấp và tăng trưởng tín dụng chọn lọc.

ROA



ROE



THÔNG TƯ 11/2026/TT-NHNN: CẢI THIỆN QUY TRÌNH PHÊ DUYỆT, TẠO THUẬN LỢI CHO TÁI CẤU TRÚC

Ban hành/hiệu lực: 19/05/2026; quy định về Phiếu LLTP từ 01/07/2026. Bản chất: cắt giảm – đơn giản hóa – phân cấp thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng; khác với TT08/CDR/LCR/NSFR vốn tác động trực tiếp hơn tới thanh khoản và an toàn vốn.

1. THAY ĐỔI CHÍNH

Rút ngắn quy trình vốn ngoại

Thời hạn xem xét việc NĐT nước ngoài mua cổ phần: 19 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đơn giản hóa hồ sơ phát hành riêng lẻ

Trường hợp phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho NĐT nước ngoài: hồ sơ bổ sung giấy đăng ký chào bán và thỏa thuận mua bán cổ phần.

Bổ sung khung hồ sơ M&A

Làm rõ hồ sơ sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi pháp lý, mua bán/chuyển nhượng vốn; nhấn mạnh năng lực tài chính và BCTC kiểm toán.

2. CƠ CHẾ TÁC ĐỘNG

THỦ TỤC NHANH HƠN

Giảm độ trễ pháp lý cho kế hoạch tăng vốn, bán vốn, mở rộng mạng lưới và tái cấu trúc.



TĂNG VỐN / M&A DỄ KÍCH HOẠT HƠN

Tác động tích cực tới CAR, năng lực cấp tín dụng và kỳ vọng xử lý ngân hàng yếu kém.



CATALYST CHỌN LỌC CHO CỔ PHIẾU

Không cải thiện ngay NIM/LDR, nhưng giúp tăng xác suất hoàn tất deal và nâng kỳ vọng vốn trung hạn.

3. HÀM Ý ĐẦU TƯ

Hưởng lợi trực tiếp

Ngân hàng có kế hoạch tăng vốn, phát hành riêng lẻ cho NĐT nước ngoài hoặc đang đàm phán đối tác chiến lược.

Ứng viên theo dõi

Nhóm có câu chuyện vốn/đối tác/deal, theo dõi thêm tiến độ M&A và tái cấu trúc.

Rủi ro cần lưu ý

Tác động phụ thuộc từng hồ sơ cụ thể; không thay thế yêu cầu room ngoại, định giá, năng lực tài chính và phê duyệt cuối cùng của NHNN.

Kết luận: chính sách tích cực cho tăng vốn và tái cấu trúc ngân hàng, nhưng tác động mang tính **chọn lọc theo từng thương vụ** thay vì cải thiện ngay các chỉ số hoạt động cốt lõi.



CÁC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Trong nhóm ngân hàng thương mại quốc doanh, CTG tiếp tục là lựa chọn nổi bật nhờ nền lợi nhuận cải thiện rõ nét, chất lượng tài sản ổn định hơn và bộ đệm dự phòng được củng cố sau giai đoạn tăng cường trích lập. Q1/2026 cho thấy **CTG** vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực, với lợi nhuận phục hồi mạnh và tổng tài sản tiếp tục mở rộng, phản ánh lợi thế về quy mô, mạng lưới khách hàng và năng lực huy động vốn của nhóm ngân hàng quốc doanh. Trong năm 2026, động lực chính của CTG đến từ tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý, NIM có khả năng cải thiện nhẹ khi các khoản vay được tái định giá, trong khi chi phí tín dụng vẫn trong tầm kiểm soát nhờ tỷ lệ bao phủ nợ xấu duy trì trên 100%. Với định giá P/E 2026F khoảng 4,9x và P/B 2026F khoảng 1,0x, CTG đang có mức định giá hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng EPS khoảng 20% trong năm 2026.

Đối với nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, chúng tôi ưu tiên **TCB, MBB, VPB** và **OCB** nhờ mỗi ngân hàng đều sở hữu câu chuyện tăng trưởng riêng, đồng thời đang giao dịch ở vùng định giá còn tương đối hấp dẫn so với triển vọng 2026–2027. Điểm chung của nhóm này là khả năng duy trì tăng trưởng tín dụng tốt hơn mặt bằng chung, lợi thế về hệ sinh thái khách hàng, dư địa phục hồi thu nhập ngoài lãi và khả năng cải thiện hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, bối cảnh chi phí vốn tăng, NIM chịu áp lực và chất lượng tài sản phân hóa khiến cơ hội đầu tư cần được lựa chọn theo từng ngân hàng thay vì nhìn đồng đều toàn ngành.

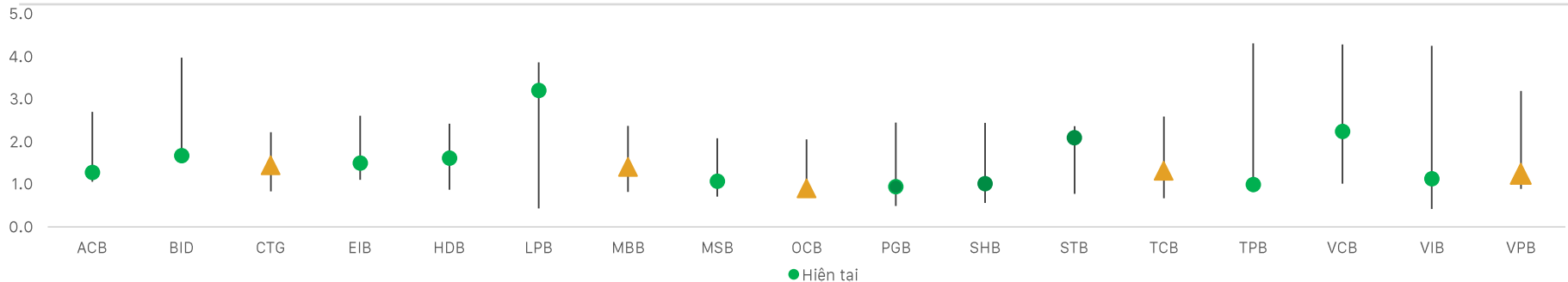
- MBB** là ngân hàng có lợi thế cấu trúc nổi bật trong nhóm tư nhân lớn nhờ nền CASA tốt, hệ sinh thái tài chính rộng và dư địa tăng trưởng tín dụng cao từ việc nhận chuyển giao ngân hàng yếu kém. Tăng trưởng tín dụng vượt trội giúp MBB duy trì khả năng mở rộng thu nhập lãi thuần, trong khi hệ sinh thái gồm ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và tài chính tiêu dùng hỗ trợ đa dạng hóa nguồn thu. Dù vậy, tăng trưởng nhanh cũng đi kèm yêu cầu củng cố huy động và bộ đệm dự phòng. Với P/E 2026F khoảng 6,4x, P/B 2026F khoảng 1,3x và tăng trưởng EPS dự phóng khoảng 20%, MBB vẫn là cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, phù hợp cho chiến lược nắm giữ trung hạn.
- OCB** là đại diện đáng chú ý trong nhóm ngân hàng tầm trung nhờ định giá thấp và dư địa cải thiện lợi nhuận còn lớn. Ngân hàng đang giao dịch ở mức P/B 2026F khoảng 0,8x và P/E 2026F khoảng 5,8x, thấp hơn đáng kể so với nhiều ngân hàng cùng ngành, trong khi EPS 2026F được kỳ vọng tăng khoảng 25%. Động lực tăng trưởng đến từ tín dụng doanh nghiệp, cải thiện NIM, nguồn thu phí và nền tảng số OMNI. Tuy nhiên, điểm cần theo dõi là tỷ lệ nợ xấu và chi phí tín dụng vẫn cao hơn nhóm ngân hàng có chất lượng tài sản phòng thủ, do đó quá trình xử lý nợ và cải thiện bộ đệm dự phòng sẽ là yếu tố then chốt để định giá OCB được tái đánh giá tích cực hơn.
- TCB** không phải là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhất, nhưng vẫn là một trong những ngân hàng tư nhân có nền tảng sinh lời và năng lực thích nghi tốt. Q1/2026 cho thấy TCB tiếp tục duy trì tăng trưởng tín dụng lành mạnh, với dư nợ cho vay tăng khoảng 3,8% so với đầu năm và khoảng 20% so với cùng kỳ, tập trung nhiều hơn vào bán lẻ, SME và các sản phẩm có tài sản bảo đảm. Việc dịch chuyển cơ cấu tín dụng giúp TCB giảm dần mức độ phụ thuộc vào khách hàng doanh nghiệp lớn, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng thu nhập lãi thuần. Dù rủi ro liên quan đến bất động sản vẫn cần được theo dõi, định giá hiện tại với P/E 2026F khoảng 7,0x và P/B 2026F khoảng 1,0x là tương đối hấp dẫn nếu ngân hàng duy trì được chất lượng tài sản và đà phục hồi thu nhập phi.
- VPB** là cổ phiếu có câu chuyện phục hồi rõ nét hơn sau giai đoạn chịu áp lực từ FE Credit và chi phí tín dụng cao. Q1/2026 cho thấy VPB ghi nhận lợi nhuận cải thiện mạnh, chất lượng tài sản có dấu hiệu ổn định hơn và FE Credit bắt đầu giảm bớt áp lực trích lập sau giai đoạn khó khăn kéo dài. VPB vẫn sở hữu lợi thế về vốn, NIM cao hơn mặt bằng ngành và khả năng mở rộng trong các phân khúc bán lẻ, tín dụng tiêu dùng và SME. Tuy nhiên, đây cũng là ngân hàng có khẩu vị rủi ro cao hơn, nên triển vọng tăng trưởng sẽ phụ thuộc lớn vào tốc độ phục hồi của chu kỳ tiêu dùng, kiểm soát nợ xấu và chi phí tín dụng. Với EPS 2026F dự kiến tăng khoảng 30%, P/E 2026F khoảng 6,6x và P/B 2026F khoảng 1,0x, VPB phù hợp với nhóm nhà đầu tư chấp nhận mức biến động cao hơn để đón chu kỳ phục hồi lợi nhuận.

Mã CK	Tên	NIM	Casa	CIR	Tỷ lệ nợ xấu	Bao phủ nợ xấu	ROA	ROE	Tăng trưởng tín dụng
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	3.66%	31.45%	30.69%	1.09%	129.39%	3.38%	15.56%	3.81%
OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	3.00%	10.67%	34.97%	3.52%	55.56%	2.43%	12.70%	2.89%
VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	5.19%	13.09%	24.15%	3.58%	52.80%	4.88%	16.37%	10.28%
CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2.59%	24.08%	29.69%	1.02%	167.19%	2.34%	21.86%	1.82%
MBB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	3.85%	32.27%	28.77%	1.42%	92.24%	3.40%	19.28%	3.37%
Ngành		3.4%	13.80%	31.70%	2.00%	79.60%	1.49%	17.10%	3.20%

Mã CK	Tên	Tăng trưởng EPS 2026F (%)	Tăng trưởng EPS 2027F (%)	P/E 2025	P/E 2026F	P/E 2027F	P/B 2025	P/B 2026F	P/B 2027F
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	19.00%	19.00%	8.5	7	5.9	1.2	1	0.9
OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	25.00%	30.00%	7.4	5.8	4.5	0.9	0.8	0.7
VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	30.00%	30.00%	8.8	6.6	6.1	1.3	1	0.9
CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	20.00%	20.00%	7.7	4.9	4.1	1.5	1	0.9
MBB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	20.00%	22.00%	7.8	6.4	5.2	1.5	1.3	1.1

Mã CK	Tên	Vốn hóa (TỶ VND)	Tổng room NĐTNN (%)	Room còn lại	GTGD TB 1 năm (TỶ VND)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Ngày cập nhật giá mục tiêu	Tiềm năng (Upside) (%)
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	212,232	22.50%	0.00%	950	30,000	38,000	6/4/2026	28%
OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	29,293	19.70%	2.30%	100	11,000	14,000	6/4/2026	27%
VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	208,265	24.90%	5.00%	400	26,000	32,000	6/4/2026	23%
CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	263,795	25.00%	2.80%	700	34,000	42,000	6/4/2026	25%
MBB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	209,027	23.20%	0.00%	850	26,000	33,000	6/4/2026	27%

Định giá P/Bv cổ phiếu các ngân hàng, vùng định giá 5 năm gần nhất



MUA - Giá mục tiêu: 38,000 (+28%)

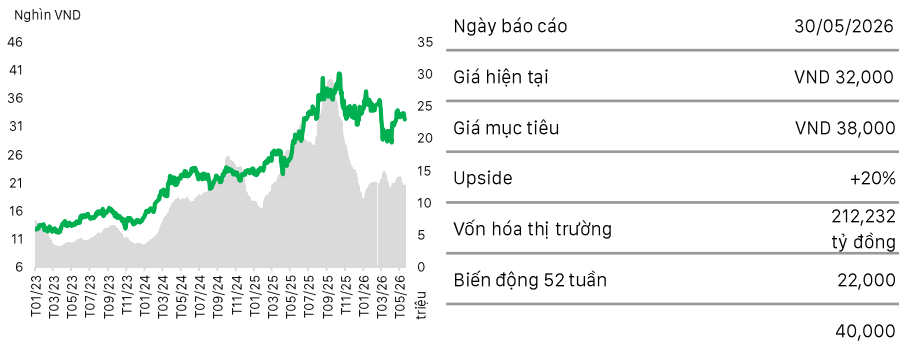
Quý I/2026 tiếp tục khẳng định vị thế của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank - TCB) như một trong những ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam, với kết quả kinh doanh vững vàng giữa bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều biến động. Theo báo cáo tài chính, tổng tài sản của TCB đạt khoảng 1.190 nghìn tỷ đồng. Dư nợ cho vay khách hàng tăng lên 785.613 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng khoảng 3,8% so với cuối năm 2025 (từ mức 757.119 tỷ đồng), tương đương tăng trưởng YoY khoảng 20%. Tăng trưởng tín dụng của TCB duy trì ở mức lành mạnh, tuân thủ room tín dụng của Ngân hàng Nhà nước, với trọng tâm là phân khúc bán lẻ và doanh nghiệp vừa & nhỏ, góp phần đa dạng hóa danh mục và nâng cao hiệu quả sinh lời.

Động lực tăng trưởng tín dụng đến từ chiến lược xoay trục sang bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm cho vay thế chấp, tín dụng tiêu dùng và SME, giúp ngân hàng giảm phụ thuộc vào tín dụng lớn và tối ưu hóa lợi suất. Dù môi trường lãi suất và thanh khoản có áp lực, TCB vẫn duy trì đã mở rộng tín dụng ổn định, hỗ trợ thu nhập lãi thuần (NII) tăng trưởng hai chữ số.

Về lợi nhuận, TCB ghi nhận kết quả ấn tượng với lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 8.870 tỷ đồng, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng mạnh, được hỗ trợ bởi tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 13.700 tỷ đồng, tăng 17,8% YoY nhờ đóng góp từ cả thu nhập lãi thuần và thu nhập phí lãi (đặc biệt là phí dịch vụ và bancassurance). Hiệu quả vận hành được kiểm soát tốt khi tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) duy trì ở mức cạnh tranh. Kết quả này cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt của TCB trước thách thức vĩ mô, đồng thời phản ánh sức mạnh từ mô hình kinh doanh đa dạng và hệ sinh thái.

Chất lượng tài sản là điểm sáng nổi bật nhất. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) ở mức 1,09% trong quý I/2026, duy trì ở mức thấp và ổn định so với cuối năm 2025. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (gần 130%) cùng chi phí dự phòng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ giúp ngân hàng duy trì bộ đệm rủi ro vững chắc. Việc quản trị rủi ro bài bản, kết hợp với chuyển đổi số trong đánh giá tín dụng, đã giúp TCB giữ được chất lượng danh mục cho vay vượt trội so với mặt bằng ngành.

Lợi thế cốt lõi của Techcombank nằm ở chiến lược số hóa và bán lẻ mạnh mẽ. Ngân hàng dẫn đầu về giao dịch số với thị phần lớn, nền tảng digital banking xử lý hàng triệu giao dịch hàng ngày, mang lại trải nghiệm liền mạch và chi phí vận hành thấp. Hệ sinh thái Techcombank - TCBS - các công ty con tạo ra nguồn thu phí đa dạng, giúp giảm phụ thuộc vào lãi thuần. Ngoài ra, CASA ratio cao (khoảng 31-40%) cung cấp nguồn vốn giá rẻ ổn định, hỗ trợ NIM cạnh tranh. TCB còn dẫn đầu về quản trị bền vững (ESG) và có xếp hạng tín nhiệm cao nhất nhóm ngân hàng TMCP (Ba3 Moody's, BB S&P). Những yếu tố này không chỉ tạo lợi thế cạnh tranh mà còn hỗ trợ mục tiêu trở thành ngân hàng khu vực top 10.



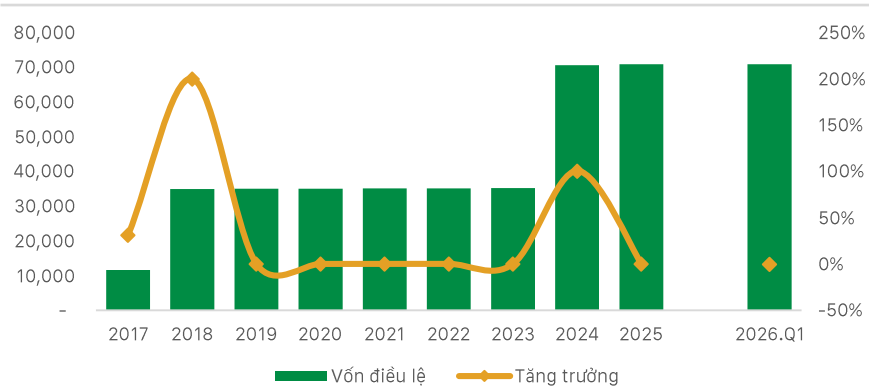
Diễn biến giá

	1M	3M	12M
TCB (%)	-3.6%	-8.2%	12.4%
VNIndex (%)	-0.1%	0.6%	39.7%

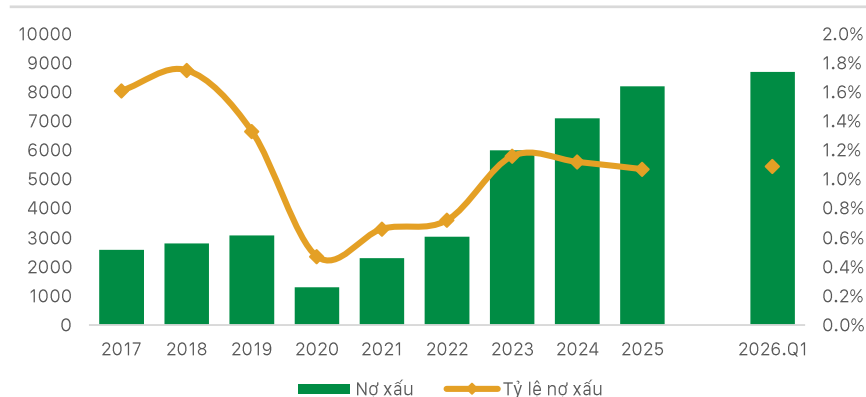
Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024A	2025A	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	35,508	38,155	41,971	46,168
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,760	25,954	30,886	36,754
NIM	%	4.21%	3.74%	3.80%	4.00%
CIR	%	32.71%	30.78%	30.50%	30.20%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1.12%	1.07%	1.05%	1.05%
Trích lập dự phòng/ Nợ xấu	%	113.94%	128.05%	130.00%	132.00%
LDR(%)	%	84.68%	83.69%	84.30%	84.10%
Tăng trưởng tín dụng	%	21.68%	21.40%	25.00%	26.00%
Tỷ lệ Casa	%	35.94%	34.48%	35.20%	35.70%
P/E	Lần	11.8	8.5	7.0	5.9
P/B	Lần	1.75	1.26	1.0	0.9
VCSH/TS	%	15.11%	15.05%	15.00%	15.50%

Vốn điều lệ tăng mạnh từ 2024



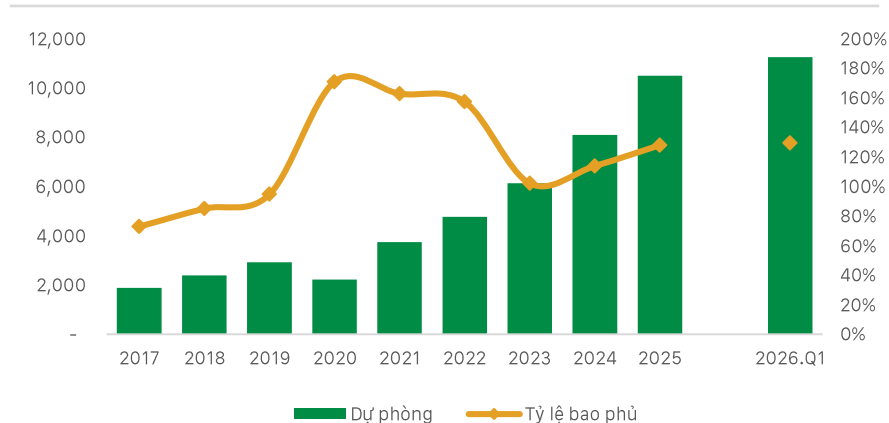
Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát quanh 1%



Lợi nhuận sau thuế giữ mức tăng trưởng đều



Dự phòng/Nợ xấu: tỷ lệ bao phủ tăng dần từ 2024



MUA - Giá mục tiêu: 16,500 (+40%)

Điểm nhấn đầu tư

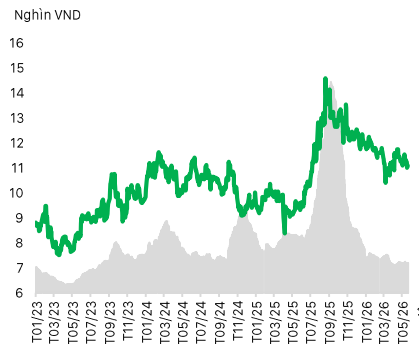
Quý I/2026 đánh dấu sự khởi đầu tích cực của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) với bức tranh kinh doanh sáng sủa giữa bối cảnh ngành ngân hàng Việt Nam đối mặt với thanh khoản thắt chặt và rủi ro phân hóa. Theo báo cáo tài chính, tổng tài sản của OCB đạt khoảng 344.098 tỷ đồng, tăng 6.5% so với cuối năm 2025. Dự nợ cho vay khách hàng đạt hơn 200 ngàn tỷ đồng, phản ánh mức tăng trưởng tín dụng khoảng 2,7% chỉ trong quý đầu năm (từ mức 195.191 tỷ đồng cuối 2025). So với cùng kỳ, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 14,1%, với trọng tâm là tín dụng xanh tăng 15%.

Về lợi nhuận, OCB ghi nhận kết quả nổi bật với lợi nhuận trước thuế quý I/2026 đạt khoảng 1.224 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 975 tỷ đồng. Động lực đến từ thu nhập lãi thuần ổn định, kết hợp với sự cải thiện từ hoạt động dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi. Kết quả này cho thấy hiệu quả vận hành được tối ưu hóa, ngay cả khi chi phí dự phòng rủi ro tín dụng vẫn được duy trì ở mức hợp lý. So với kế hoạch cả năm (LNTT mục tiêu 6.960 tỷ đồng, tăng 39%), OCB đã hoàn thành khoảng 18% chỉ trong quý đầu, tạo nền tảng vững chắc cho năm 2026.

Nợ xấu (NPL) ở mức 7.200 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu chung nhẹ lên 3,52% so với 3,19% cuối năm 2025. Mặc dù có sự gia tăng nhẹ – OCB vẫn kiểm soát tốt nhờ chính sách trích lập dự phòng chặt chẽ (tỷ lệ bao phủ nợ xấu duy trì ở mức chấp nhận được). Ngân hàng tiếp tục hướng tới mục tiêu giữ nợ xấu dưới 3% cả năm, thể hiện cam kết tăng trưởng bền vững đi kèm an toàn.

Lợi thế cạnh tranh nổi bật của OCB nằm ở chiến lược chuyển đổi số mạnh mẽ và định hướng bán lẻ. Ngân hàng tiên phong áp dụng nền tảng Omni 4.0, mang lại trải nghiệm liền mạch giữa kênh trực tuyến và ngoại tuyến, với hơn 1 triệu người dùng hoạt động hàng tháng. Ứng dụng Liobank nhắm đến thế hệ Gen Z đã thu hút 500.000 người dùng chỉ trong năm thứ hai, chủ yếu qua giới thiệu cộng đồng. Hợp tác với hơn 150 đối tác qua API mở (open banking) giúp OCB xây dựng hệ sinh thái toàn diện, từ FMCG, bất động sản đến các dịch vụ tài chính cá nhân hóa.

Bên cạnh đó, OCB chú trọng phát triển bền vững (ESG), dẫn đầu trong tín dụng xanh và quản trị rủi ro theo chuẩn Basel. Quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác quốc tế như BNP Paribas trước đây cũng góp phần nâng cao chuẩn mực quản trị. Những yếu tố này giúp OCB khác biệt so với các ngân hàng cùng quy mô, hướng tới vị thế top 5 ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam. Trong bối cảnh ngành ngân hàng tiếp tục phục hồi, các chiến lược số hóa và tập trung khách hàng cá nhân sẽ là nền tảng giúp OCB duy trì đà tăng trưởng dài hạn. Nhà đầu tư và khách hàng có lý do để tin tưởng vào triển vọng tích cực của ngân hàng trong năm 2026.



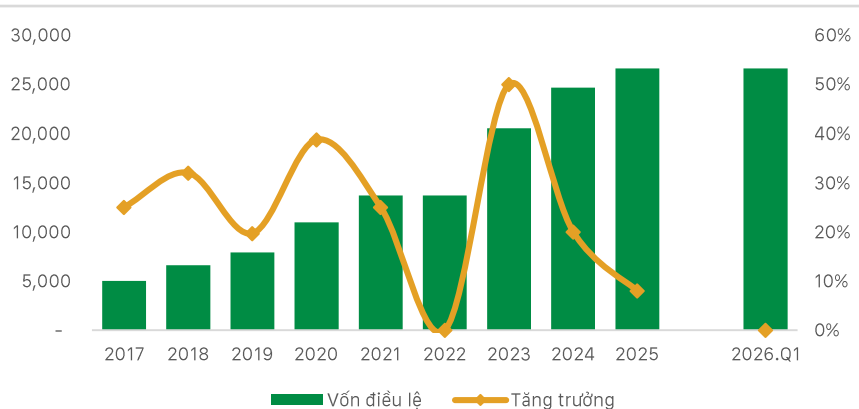
Diễn biến giá

	1M	3M	12M
OCB (%)	5.4%	1.7%	24.2%
VNIndex (%)	-0.1%	0.6%	39.7%

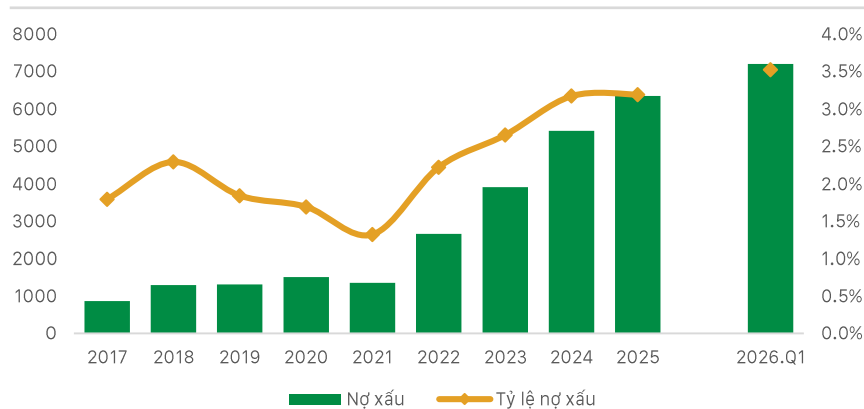
Chỉ tiêu	Đơn vị	2024A	2025A	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	8,607	9,249	10,541	11,719
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,173	4,029	5,091	5,586
NIM	%	3.45%	3.18%	3.10%	3.20%
CIR	%	37.78%	36.19%	36.20%	36.00%
Tỷ lệ nợ xấu	%	3.17%	3.19%	3.13%	3.06%
Trích lập dự phòng/ Nợ xấu	%	47.14%	56.32%	70.90%	80.90%
LDR(%)	%	74.19%	73.75%	69.00%	70.80%
Tăng trưởng tín dụng	%	16.30%	15.98%	18.10%	15.20%
Tỷ lệ Casa	%	14.40%	9.90%	10.10%	10.30%
P/E	Lần	8.4	7.1	6.2	6.2
P/B	Lần	0.8	0.8	0.8	0.8
VCSH/TS	%	11.28%	10.51%	10.60%	10.70%

Ngày báo cáo	30/05/2026
Giá hiện tại	VND 11,800
Giá mục tiêu	VND 16,500
Upside	+40%
Vốn hóa thị trường	29,293 tỷ đồng
Biến động 52 tuần	8,400
	14,500
Giá trị giao dịch trung bình YTD	100 tỷ đồng
Giới hạn sở hữu NĐTNN	30%
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN	19.7%

Vốn điều lệ tăng đều qua các năm



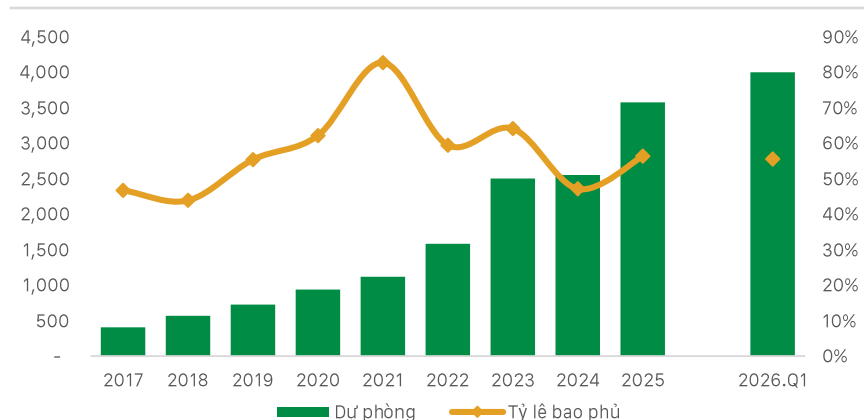
Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức 3%



Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh năm 2025



Dự phòng/Nợ xấu: tỷ lệ bao phủ tăng trở lại



MUA - Giá mục tiêu: 32,000 (+23%)

Điểm nhấn đầu tư

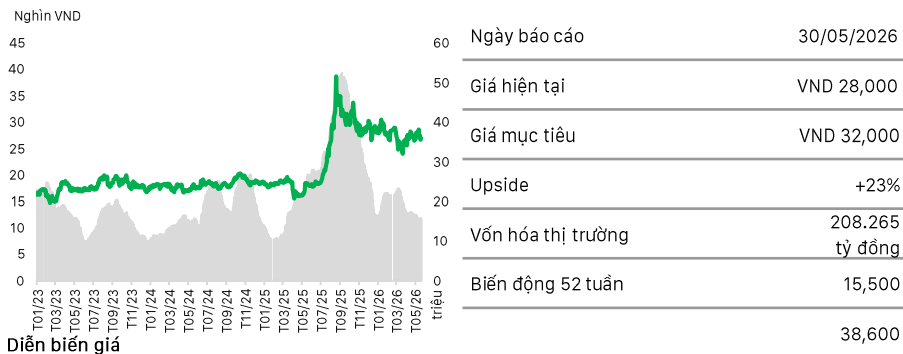
Quý 1/2026 tiếp tục cho thấy Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank – VPB) đang duy trì đà phục hồi khá tích cực sau giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ trong những năm gần đây. Báo cáo tài chính mới nhất cho thấy ngân hàng ghi nhận tăng trưởng tín dụng ổn định, lợi nhuận cải thiện đáng kể và chất lượng tài sản có dấu hiệu dần ổn định hơn. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh của ngành ngân hàng vẫn còn nhiều áp lực liên quan đến lãi suất và nợ xấu, kết quả của VPBank được đánh giá là tương đối khả quan.

Về kết quả kinh doanh, VPBank ghi nhận lợi nhuận sau thuế tăng trưởng hơn 60% lên 6329 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò động lực chính nhờ quy mô tín dụng mở rộng và nhu cầu vay vốn phục hồi dần trong nền kinh tế. Đồng thời, các mảng dịch vụ như thanh toán, thẻ tín dụng và bancassurance cũng duy trì tăng trưởng tích cực, giúp nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn.

Ngoài ra, hoạt động tín dụng tiêu dùng thông qua FE Credit cũng bắt đầu cho thấy tín hiệu cải thiện sau giai đoạn khó khăn kéo dài từ 2022–2024. Dù chưa quay trở lại thời kỳ tăng trưởng mạnh như trước đây, việc chất lượng tài sản tại FE Credit dần ổn định đã giúp giảm đáng kể áp lực trích lập dự phòng cho toàn hệ sinh thái VPBank. Đây được xem là yếu tố quan trọng hỗ trợ lợi nhuận ngân hàng phục hồi trong thời gian gần đây.

Một điểm đáng chú ý là VPBank vẫn duy trì được biên lãi ròng (NIM) ở mức cao 5.2% so với mặt bằng ngành. Điều này đến từ chiến lược tập trung vào phân khúc bán lẻ và tín dụng tiêu dùng – những mảng có khả năng sinh lời cao hơn ngân hàng truyền thống. Dù chi phí vốn có xu hướng tăng trở lại trong thời gian gần đây, VPBank vẫn có lợi thế nhờ nền tảng khách hàng lớn và khả năng tối ưu hóa danh mục cho vay.

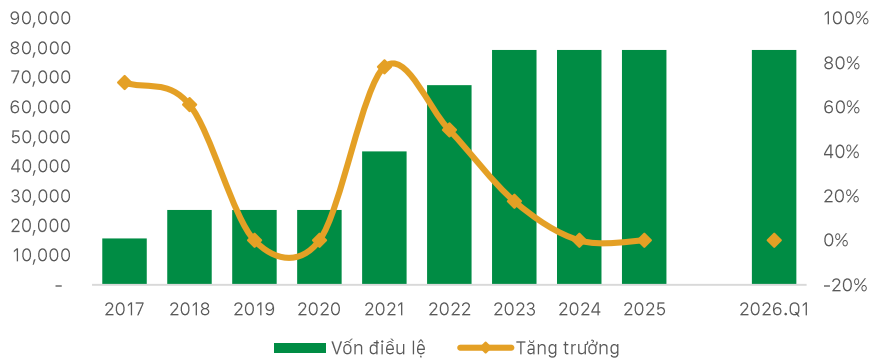
Tuy nhiên, áp lực lớn nhất đối với VPBank vẫn nằm ở chất lượng tài sản. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của ngân hàng vẫn ở mức cao hơn trung bình ngành do ảnh hưởng từ mảng tài chính tiêu dùng và nhóm khách hàng bán lẻ. Dù vậy, so với giai đoạn trước, xu hướng nợ xấu đã bắt đầu ổn định hơn khi nền kinh tế phục hồi và hoạt động thu hồi nợ được cải thiện. Ngân hàng cũng tiếp tục duy trì mức trích lập dự phòng cao nhằm củng cố bộ đệm an toàn cho bảng cân đối kế toán. Nhìn chung, kết quả kinh doanh quý 1/2026 cho thấy VPBank đang bước vào giai đoạn phục hồi rõ nét hơn sau thời kỳ nhiều biến động của thị trường tài chính tiêu dùng.



	1M	3M	12M	
STB (%)	-6.4%	-5.9%	40.8%	Giá trị giao dịch trung bình YTD
VNIndex (%)	-8.2%	-5.3%	28.6%	Giới hạn sở hữu NĐTNN
				Tỷ lệ sở hữu NĐTNN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024A	2025A	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	49,080	58,663	73,328	91,660
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,987	24,355	31,661	39,576
NIM	%	5.83%	5.50%	5.40%	5.40%
CIR	%	23.03%	24.96%	24.00%	23.50%
Tỷ lệ nợ xấu	%	4.20%	3.33%	3.25%	3.20%
Trích lập dự phòng/ Nợ xấu	%	56.17%	55.39%	55.00%	53.00%
LDR(%)	%	104.27%	107.76%	108.00%	110.00%
Tăng trưởng tín dụng	%	22.68%	36.94%	32.00%	35.00%
Tỷ lệ Casa	%	13.71%	13.65%	14.00%	14.50%
P/E	Lần	14.53	8.86	6.6	5.1
P/B	Lần	1.62	1.27	1.0	0.9
VCSH/TS	%	15.94%	14.31%	15.00%	15.50%

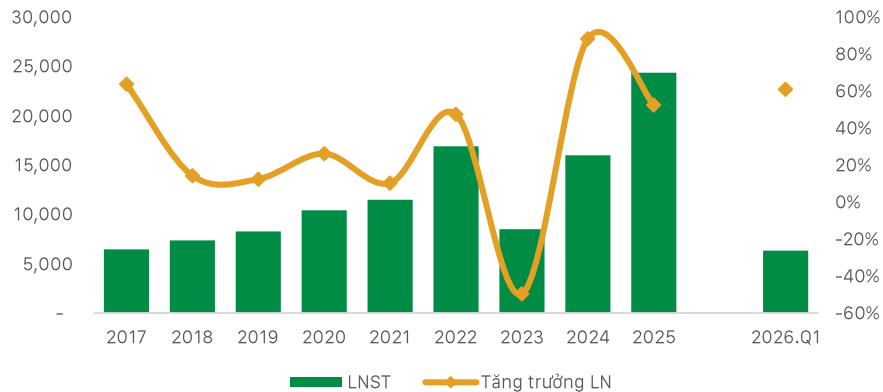
Vốn điều lệ tăng mạnh từ 2024



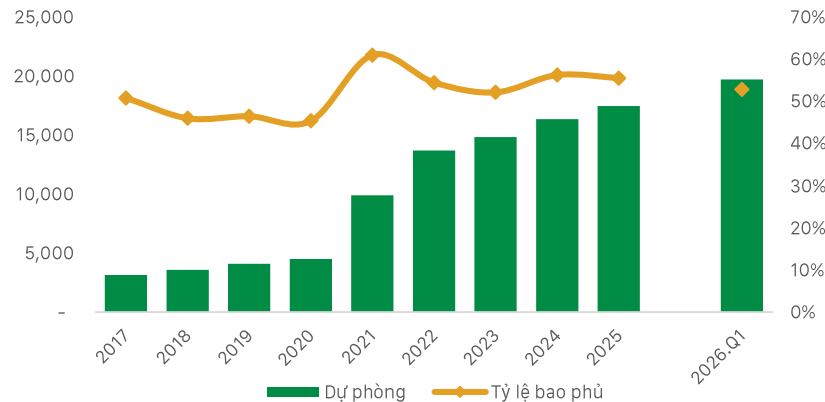
Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát quanh 1%



Lợi nhuận sau thuế giữ mức tăng trưởng đều



Dự phòng/Nợ xấu: tỷ lệ bao phủ tăng dần từ 2024



MUA - Giá mục tiêu: 42,000 (+20%)

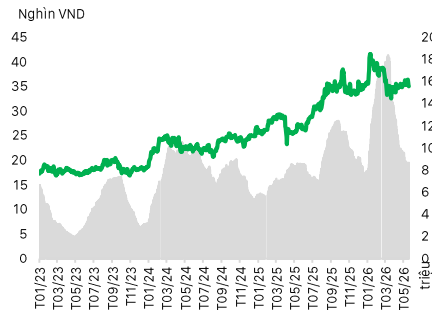
Điểm nhấn đầu tư

Quý 1/2026 cho thấy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG – VietinBank) tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng ổn định trong bối cảnh ngành ngân hàng đối mặt với áp lực cạnh tranh tín dụng và chi phí vốn gia tăng. Báo cáo tài chính mới nhất cho thấy ngân hàng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng tích cực, lợi nhuận duy trì ở vùng cao và chất lượng tài sản từng bước được cải thiện. Với vai trò là một trong bốn ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất hệ thống, VietinBank tiếp tục thể hiện lợi thế về quy mô, mạng lưới khách hàng và năng lực huy động vốn.

Tính đến cuối quý 1/2026, tổng tài sản của VietinBank tiếp tục mở rộng tăng 5.6% so với đầu năm và duy trì trong nhóm dẫn đầu ngành ngân hàng. Dư nợ cho vay khách hàng tăng trưởng tích cực so với đầu năm, phản ánh nhu cầu tín dụng đang phục hồi trở lại ở cả nhóm doanh nghiệp và bán lẻ. Trong đó, ngân hàng tiếp tục ưu tiên tín dụng cho lĩnh vực sản xuất, xuất nhập khẩu, hạ tầng và doanh nghiệp lớn – những nhóm khách hàng truyền thống vốn là thế mạnh của VietinBank trong nhiều năm qua.

Về kết quả kinh doanh, VietinBank tiếp tục ghi nhận mức lợi nhuận tích cực trong quý đầu năm 2026. Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng trên 9.000 tỷ đồng, tăng trưởng 63% so với cùng kỳ năm trước nhờ tăng trưởng tín dụng ổn định và thu nhập lãi thuần tiếp tục cải thiện. Dù mặt bằng lãi suất huy động có dấu hiệu tăng trở lại, ngân hàng vẫn duy trì được khả năng sinh lời tương đối tốt nhờ lợi thế nguồn vốn lớn và chi phí huy động thấp hơn nhiều ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân.

Một trong những điểm tích cực của VietinBank là cơ cấu nguồn vốn tương đối ổn định nhờ mạng lưới khách hàng rộng và tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) duy trì ở mức khá. Điều này giúp ngân hàng có lợi thế nhất định trong việc bảo vệ biên lãi ròng (NIM) giữa bối cảnh cạnh tranh lãi suất huy động ngày càng gay gắt. So với nhiều ngân hàng khác, VietinBank có lợi thế lớn về quy mô và vị thế trong hệ thống tài chính Việt Nam. Là ngân hàng thương mại nhà nước, CTG có khả năng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp, đồng thời sở hữu tập khách hàng doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI và các dự án hạ tầng trọng điểm. Đây là nền tảng giúp ngân hàng duy trì tăng trưởng tín dụng ổn định trong dài hạn.



Ngày báo cáo	30/05/2026
Giá hiện tại	VND 35,000
Giá mục tiêu	VND 42,000
Upside	+25%
Vốn hóa thị trường	270.795 tỷ đồng
Biến động 52 tuần	32,500 - 41,000

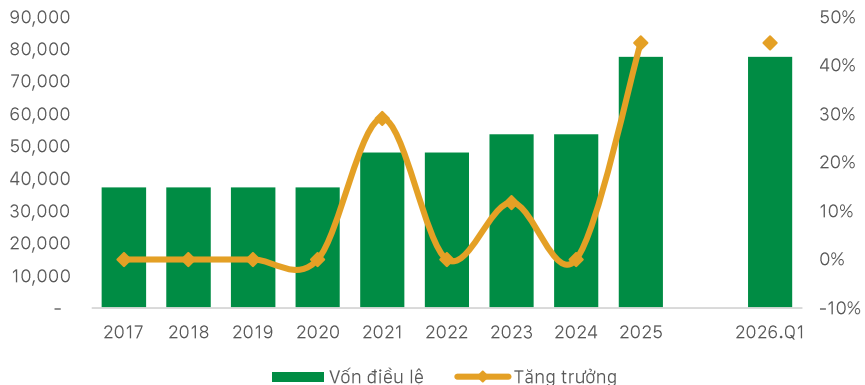
Diễn biến giá

	1M	3M	12M
CTG (%)	2.0%	-7.6%	30.7%
VNIndex (%)	-0.1%	0.6%	39.7%

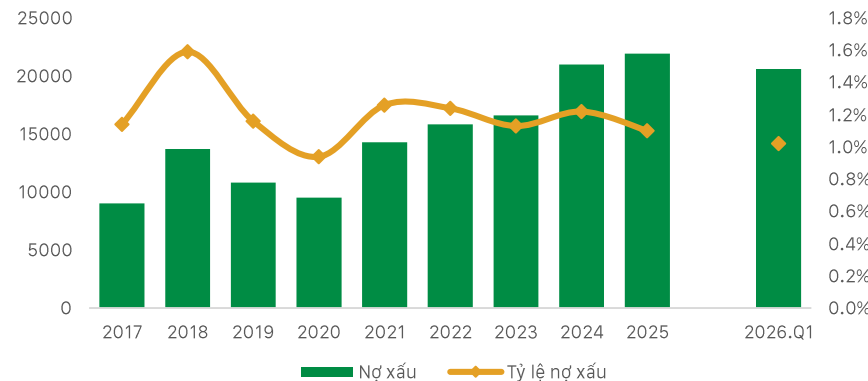
Chỉ tiêu	Đơn vị	2024A	2025A	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	62,403	66,453	76,421	87,884
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,483	34,857	41,829	50,195
NIM	%	2.88%	2.62%	2.60%	2.61%
CIR	%	27.53%	30.42%	30.30%	30.10%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1.22%	1.10%	1.15%	1.10%
Trích lập dự phòng/ Nợ xấu	%	174.68%	158.83%	160.00%	160.00%
LDR(%)	%	85.60%	84.16%	85.00%	85.00%
Tăng trưởng tín dụng	%	16.58%	16.15%	16.30%	16.50%
Tỷ lệ Casa	%	23.86%	24.84%	25.00%	25.20%
P/E	Lần	8.21	7.7	4.9	4.1
P/B	Lần	1.4	1.49	1.0	0.9
VCSH/TS	%	6.23%	6.49%	6.50%	6.60%

Giá trị giao dịch trung bình YTD	700 tỷ đồng
Giới hạn sở hữu NĐTNN	30%
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN	25%

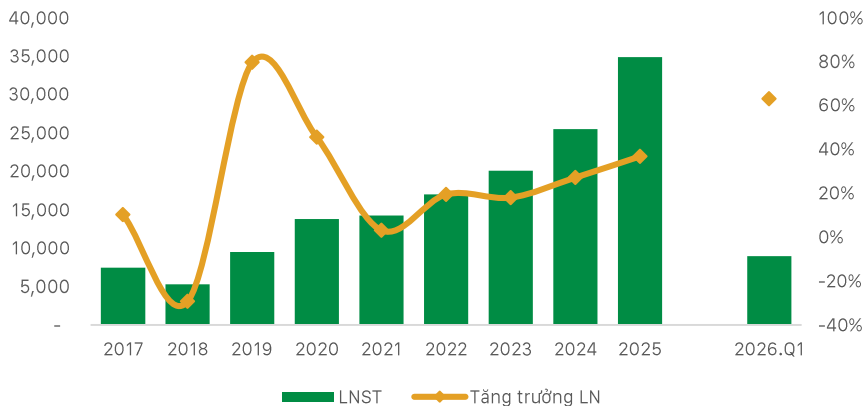
Vốn điều lệ tăng mạnh 2025



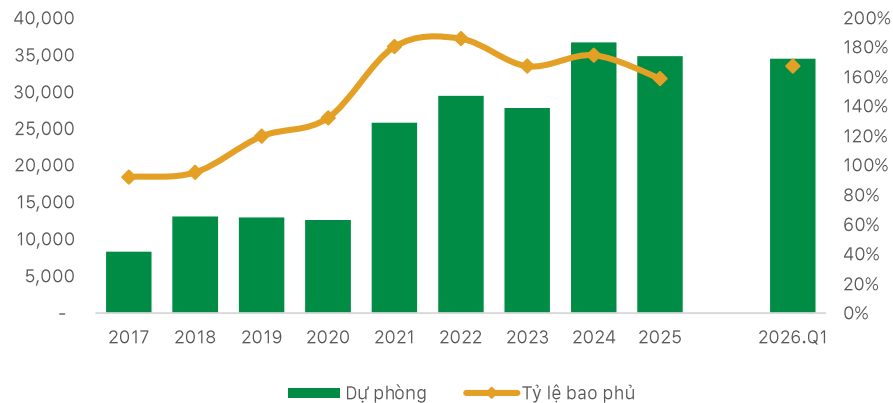
Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1%



Lợi nhuận sau thuế giữ mức tăng trưởng đều



Dự phòng/Nợ xấu: tỷ lệ bao phủ luôn trên 100%



MUA - Giá mục tiêu: 33,000 (+27%)

Điểm nhấn đầu tư

Quý 1/2026 tiếp tục cho thấy sức tăng trưởng ổn định của Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) trong bối cảnh ngành ngân hàng bước vào giai đoạn cạnh tranh tín dụng mạnh hơn và áp lực lãi suất có dấu hiệu gia tăng. Báo cáo tài chính mới nhất cho thấy MBB vẫn duy trì được tốc độ mở rộng tín dụng tích cực, lợi nhuận tăng trưởng tốt và chất lượng tài sản nằm trong vùng kiểm soát an toàn. Điều này giúp ngân hàng tiếp tục giữ vị thế trong nhóm dẫn đầu về hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Tính đến cuối quý 1/2026, tổng tài sản hợp nhất của MBB đạt hơn 1,6 triệu tỷ đồng, trong khi dư nợ tín dụng vượt mốc 1,1 triệu tỷ đồng. So với đầu năm, tín dụng tăng khoảng 3–3,5%, mức tăng được đánh giá khá tích cực trong bối cảnh quý đầu năm thường là giai đoạn tăng trưởng thấp của ngành. Động lực tăng trưởng của MBB đến từ cả mảng khách hàng doanh nghiệp và bán lẻ, đặc biệt là nhóm khách hàng cá nhân và SME.

Một trong những lợi thế lớn của MBB là nền tảng ngân hàng số phát triển mạnh. Trong nhiều năm qua, ngân hàng liên tục đầu tư vào chuyển đổi số, giúp mở rộng tập khách hàng với chi phí thấp hơn so với nhiều ngân hàng truyền thống. Điều này không chỉ hỗ trợ tăng trưởng tín dụng mà còn giúp MBB cải thiện CASA, tối ưu chi phí vốn và duy trì hiệu quả hoạt động ở mức cao.

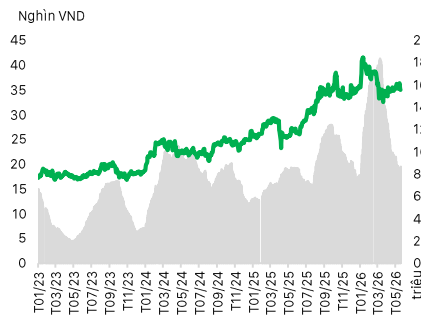
Về kết quả kinh doanh, MBB tiếp tục ghi nhận quý tăng trưởng lợi nhuận khả quan. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt khoảng 7703 tỷ đồng, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập lãi thuần vẫn là động lực chính nhờ tăng trưởng tín dụng duy trì tích cực và quy mô tài sản sinh lãi tiếp tục mở rộng. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ như thanh toán, bancassurance và ngân hàng số cũng đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu.

Điểm nổi bật của MBB nằm ở khả năng kiểm soát chi phí rất tốt. Chỉ số CIR của ngân hàng tiếp tục thuộc nhóm thấp nhất ngành, phản ánh hiệu quả vận hành cao và mô hình kinh doanh được tối ưu hóa mạnh nhờ công nghệ. Trong bối cảnh nhiều ngân hàng đang cạnh tranh áp lực gia tăng chi phí huy động, lợi thế chi phí thấp giúp MBB bảo vệ biên lợi nhuận tốt hơn mặt bằng chung.

Dù vậy, ngân hàng cũng đối mặt với một số áp lực nhất định. Biên lãi ròng (NIM) có xu hướng thu hẹp nhẹ khi chi phí vốn tăng trở lại cùng mặt bằng lãi suất huy động. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng thu nhập ngoài lãi chưa thực sự bứt phá mạnh như giai đoạn trước. Tuy nhiên, với quy mô tín dụng lớn và nền tảng khách hàng ổn định, MBB vẫn duy trì được khả năng tăng trưởng lợi nhuận khá vững chắc.

Về chất lượng tài sản, nợ xấu của MBB có tăng nhẹ nhưng vẫn nằm trong vùng kiểm soát an toàn. Ngân hàng đặt mục tiêu giữ tỷ lệ nợ xấu hợp nhất dưới 1,5%, trong khi ngân hàng mẹ duy trì dưới 1%. Đây là mức khá tích cực nếu so với nhiều ngân hàng đang chịu áp lực từ thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp. Ngoài ra, MBB vẫn duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức tương đối cao, tạo bộ đệm an toàn cho hoạt động kinh doanh.

Một lợi thế quan trọng khác của MBB là hệ sinh thái tài chính đa dạng gồm ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, quản lý quỹ và tài chính tiêu dùng. Điều này giúp ngân hàng mở rộng nguồn thu ngoài tín dụng và tăng khả năng khai thác khách hàng trong cùng hệ sinh thái. Trong dài hạn, đây sẽ là yếu tố giúp MBB nâng cao sức cạnh tranh và duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn mặt bằng ngành.



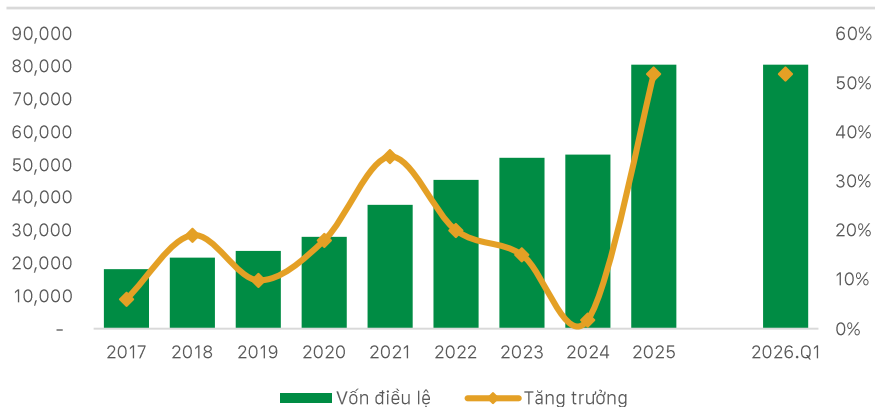
Diễn biến giá

	1M	3M	12M
MBB (%)	-2.3%	-11.8%	38.8%
VNIndex (%)	-0.1%	0.6%	39.7%

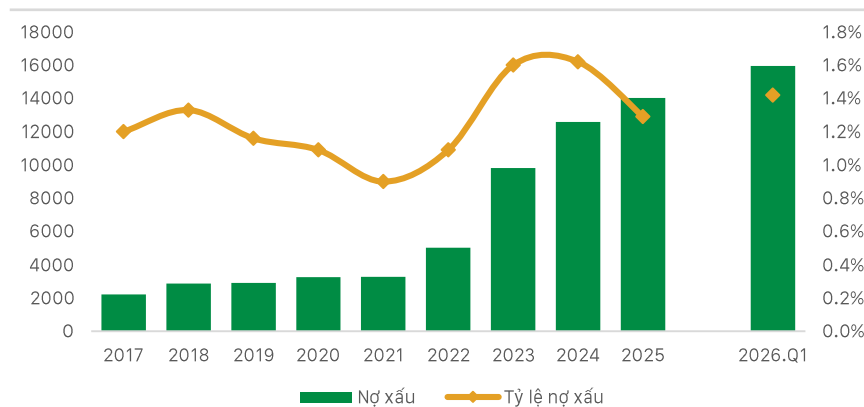
Chỉ tiêu	Đơn vị	2024A	2025A	2026F	2027F
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	41,152	51,610	64,513	80,641
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22,951	27,383	32,860	40,089
NIM	%	4.07%	3.87%	3.85%	3.87%
CIR	%	30.69%	29.07%	29.00%	28.80%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1.62%	1.29%	1.25%	1.22%
Trích lập dự phòng/ Nợ xấu	%	92.25%	93.75%	94.30%	95.00%
LDR(%)	%	84.18%	83.89%	84.30%	85.00%
Tăng trưởng tín dụng	%	27.60%	39.97%	39.00%	39.00%
Tỷ lệ Casa	%	38.03%	36.83%	37.00%	37.00%
P/E	Lần	6.22	7.81	6.4	5.2
P/B	Lần	1.26	1.54	1.3	1.1
VCSH/TS	%	10.37%	8.79%	8.80%	8.90%

Ngày báo cáo	30/05/2026
Giá hiện tại	VND 25,000
Giá mục tiêu	VND 33,000
Upside	+27%
Vốn hóa thị trường	201,027 tỷ đồng
Biến động 52 tuần	15,500
	29,000
Giá trị giao dịch trung bình YTD	800 tỷ đồng
Giới hạn sở hữu NĐTNN	30%
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN	23%

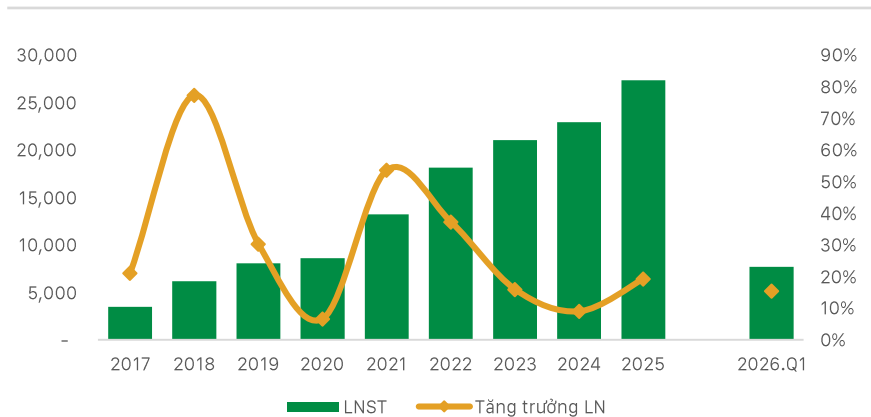
Vốn điều lệ tăng mạnh năm 2025



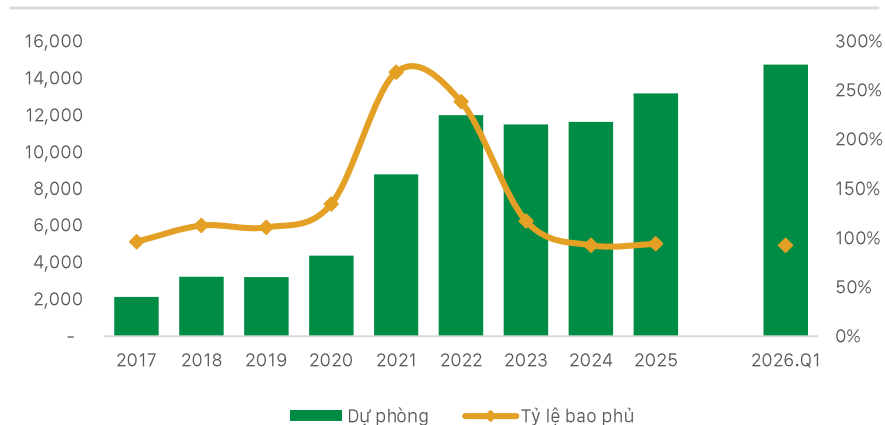
Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức thấp



Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng đều qua các năm



Dự phòng/Nợ xấu: tỷ lệ bao phủ tăng trở lại





THANK YOU